

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4, số 4601039023 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên ngày 28/03/2017

-  Địa chỉ : 328 Lương Ngọc Quyến, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên
-  Website : benhvienquoctethainguyen.com
-  Số điện thoại : 0888 143 115

SÁNG Y ĐỨC
TRỌN NIỀM TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2019



CÔNG TY CỔ PHẦN
BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

MỤC LỤC

I. PHẦN
MỞ ĐẦU

1.1 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	6
1.2 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	7
1.3 Các chỉ tiêu cơ bản	9

II. THÔNG TIN CHUNG
VỀ DOANH NGHIỆP

2.1 Thông tin chung về Doanh nghiệp	12
2.2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14
2.3 Mô hình kinh doanh và nội lực	18
2.4 Giới thiệu Ban Lãnh đạo	22
2.5 Vị thế	26
2.6 Định hướng phát triển	28
2.7 Rủi ro	29

V. BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5.1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về mọi mặt của Công ty	48
5.2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Tổng Giám đốc	49
5.3 Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	50

VI. QUẢN TRỊ
CÔNG TY

6.1 Hội đồng quản trị	54
6.2 Ban kiểm soát	56
6.3 Giao dịch và thù lao	57
6.4 Quản trị Công ty	57

III, TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

3.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	32
3.2 Tổ chức và nhân sự	34
3.3 Tình hình đầu tư thực hiện dự án	36
3.4 Tình hình tài chính	36
3.5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu	38

IV. BÁO CÁO
CỦA Ban Tổng Giám đốc

4.1 Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh	42
4.2 Tình hình tài chính	43
4.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	44
4.4 Phương hướng phát triển	45

VII. PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG

7.1 Mục tiêu chung	60
7.2 Mục tiêu sản phẩm dịch vụ	60
7.3 Chính sách người lao động	61
7.4 Phát triển cộng đồng	61

VIII. BÁO CÁO
TÀI CHÍNH NĂM 2019

THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Thân gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng,
Đối tác và Cán bộ công nhân viên.

Kinh tế xã hội nước ta năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ đến niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư trên thế giới. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% (Quý I tăng 6,82%; quý II tăng 6,73%; quý III tăng 7,48%; quý IV tăng 6,97%). Mức tăng trưởng năm 2019 tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011-2017. Ước tính thu nhập bình quân đầu người năm 2019 đạt khoảng 4,2 triệu đồng, cao hơn mức 3,9 triệu đồng của năm 2018.

Tổng chi toàn xã hội cho chăm sóc sức khỏe (ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế, người dân) so với GDP ngày càng tăng, từ 5,1% năm 1993 lên khoảng 6,6% năm 2016. Từ 2008 đến nay, tốc độ tăng chi từ ngân sách nhà nước cho y tế đã cao hơn tốc độ tăng chi bình quân chung của ngân sách nhà nước và đạt khoảng 7- 8% tổng chi ngân sách. Mức chi tiêu cho sức khỏe người dân duy trì đà tăng ổn định, vì vậy trong năm 2019, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh khám chữa bệnh cho người dân. Năm 2019, bệnh viện cũng tiếp tục mở rộng, triển khai các lĩnh vực chuyên khoa sâu như đào tạo nâng cao tay nghề của đội ngũ y bác sĩ, cán bộ trẻ, mời các bác sĩ nước ngoài về công tác, đồng thời, chú trọng đầu tư thêm trang thiết bị và máy móc hiện đại để đáp ứng tốt hơn nhu

cầu khám chữa bệnh của người dân.

Hiện nay, Bệnh viện đang trong tình trạng quá tải cả về khám bệnh và chữa bệnh nên Công ty đang đầu tư triển khai hoàn thiện Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và Bệnh viện Đa khoa Yên Bình để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người lao động các khu công nghiệp và nhân dân các Huyện, Thị xã, Thành phố phía nam của tỉnh Thái Nguyên cũng như các huyện giáp ranh như Bắc Giang và Hà Nội.

Bệnh viện cũng triển khai công tác đưa cổ phiếu của công ty lên giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán trong thời gian sớm nhất. Đây là bước tiến chiến lược để Công ty khẳng định vị thế của mình trong ngành Y tế tỉnh Thái Nguyên nói chung và ngành Y tế cả nước nói chung, trở thành một trong những bệnh viện đầu tiên niêm yết trên sàn giao dịch. Với sự chuẩn bị, đầu tư đúng hướng, Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đã sẵn sàng đón nhận những cơ hội và phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

Ban lãnh đạo Công ty xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả quý vị những người đã đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Trân trọng cảm ơn Quý vị.!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Hoàng Tuyên

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên hướng tới trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong ngành bệnh viện, cung cấp dịch vụ y tế, khám chữa bệnh tốt nhất cho người dân Việt Nam.

TẦM NHÌN

SỨ MỆNH

Công ty cam kết cung cấp các dịch vụ chất lượng cao, tận tâm vì sức khỏe người bệnh và cộng đồng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

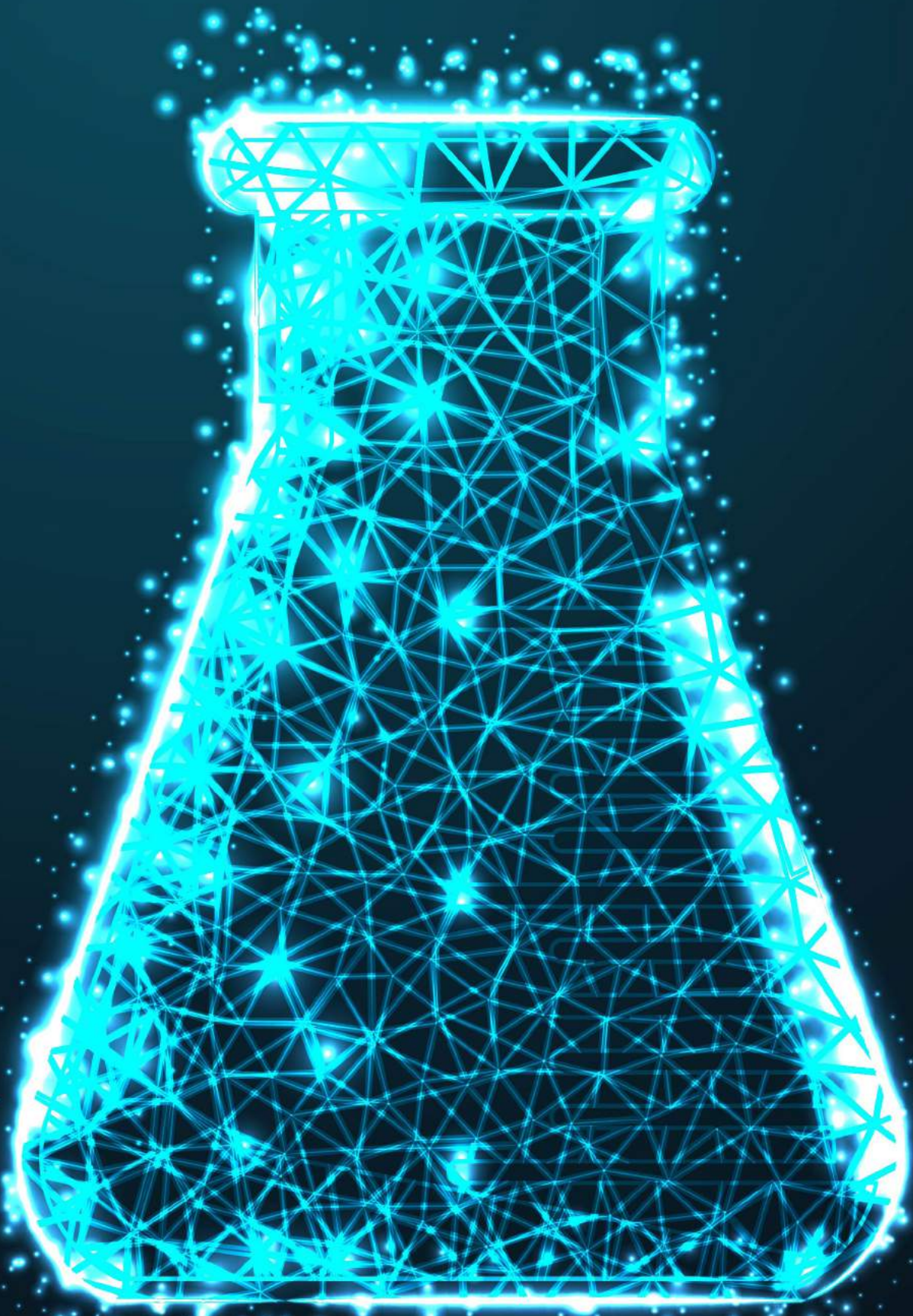
Chuyên nghiệp

Trung thực

Hiệu quả

Đoàn kết

Thái độ tích cực



1.3-MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2019
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu	Tỷ đồng	266,34	269,65	275,45
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	266,08	269,40	245,45
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng			167,02
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng			108,43
Doanh thu thuần từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	0,01	0,03	0,005
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	5,06	3,86	8,39
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng			6,46
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	86,35	85,89	93,58
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	-	0.09	(0.23)
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	86,35	85,88	93,35
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	86,35	81,39	88,82
Bảng cân đối kế toán				
Tổng tài sản	Tỷ đồng	433,98	515,05	879,95
Vốn điều lệ	Tỷ đồng			415
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	358,31	439,70	528,53
Nợ phải trả	Tỷ đồng	85,68	75,35	351,42
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu				
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	24,10%	20,40%	18,35%
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	18,73%	16,97%	12,74%



02

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

- 2.1. Thông tin chung về doanh nghiệp
- 2.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 2.3. Mô hình kinh doanh và nội lực
- 2.4. Giới thiệu ban lãnh đạo
- 2.5. Vị thế
- 2.6 Định hướng phát triển
- 2.7 Rủi ro

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

“ Bệnh viện luôn lấy người bệnh làm trọng tâm cho mọi hoạt động trong suy nghĩ và hành động. Tất cả các quy trình hoạt động từ đón tiếp đến thực hiện các kỹ thuật khám, chữa bệnh cho đến khi ra viện đều được đổi mới và tạo được sự khác biệt theo tiêu chí phải làm cho người bệnh hài lòng nhất về tinh thần thái độ phục vụ và chất lượng khám chữa bệnh ”

GIỚI THIỆU CHUNG

Tên doanh nghiệp	:	Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái nguyên
Địa chỉ	:	328 Lương Ngọc Quyến, P. Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại	:	0208 628 5658
Website	:	benhvienquoctethainguyen.com
Vốn điều lệ	:	415.000.000 VNĐ
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	:	4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28/03/2017
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Tăng vốn điều lệ từ 350.000.000.000 VNĐ đến 415.000.000.000 VNĐ bằng việc phát hành cổ phiếu chia cổ tức theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/03/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.



Trong năm 2019, Công ty đã đầu tư xây dựng hoàn thiện và hoàn tất việc mua sắm máy móc trang thiết bị để đưa Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên đi vào hoạt động; đồng thời, triển khai xây dựng xong phần thô của Bệnh viện quốc tế giai đoạn 2 với tổng giá trị đầu tư hơn 400 tỷ đồng.

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

LĨNH VỰC KINH DOANH

- 1



Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn dược phẩm)
- 2



Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế
- 3



Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc thiết bị y tế)
- 4



Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên: số 328, đường Lương Ngọc Quyến, phường Đông Quang, TP Thái Nguyên.

Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên: xóm Chùa, xã Nam Tiến, tỉnh Thái Nguyên

SẢN PHẨM DỊCH VỤ CHÍNH

Khoa ngoại



Khoa thăm dò
chức năng



Khoa Tai - Mũi
- Họng



Khoa phụ sản



Khoa khám bệnh



Khoa gây mê
hồi sức



Nhà thuốc



Khoa nội



Khoa chẩn đoán
hình ảnh



Khoa nhi



Khoa xét nghiệm



Khoa hồi
sức cấp cứu

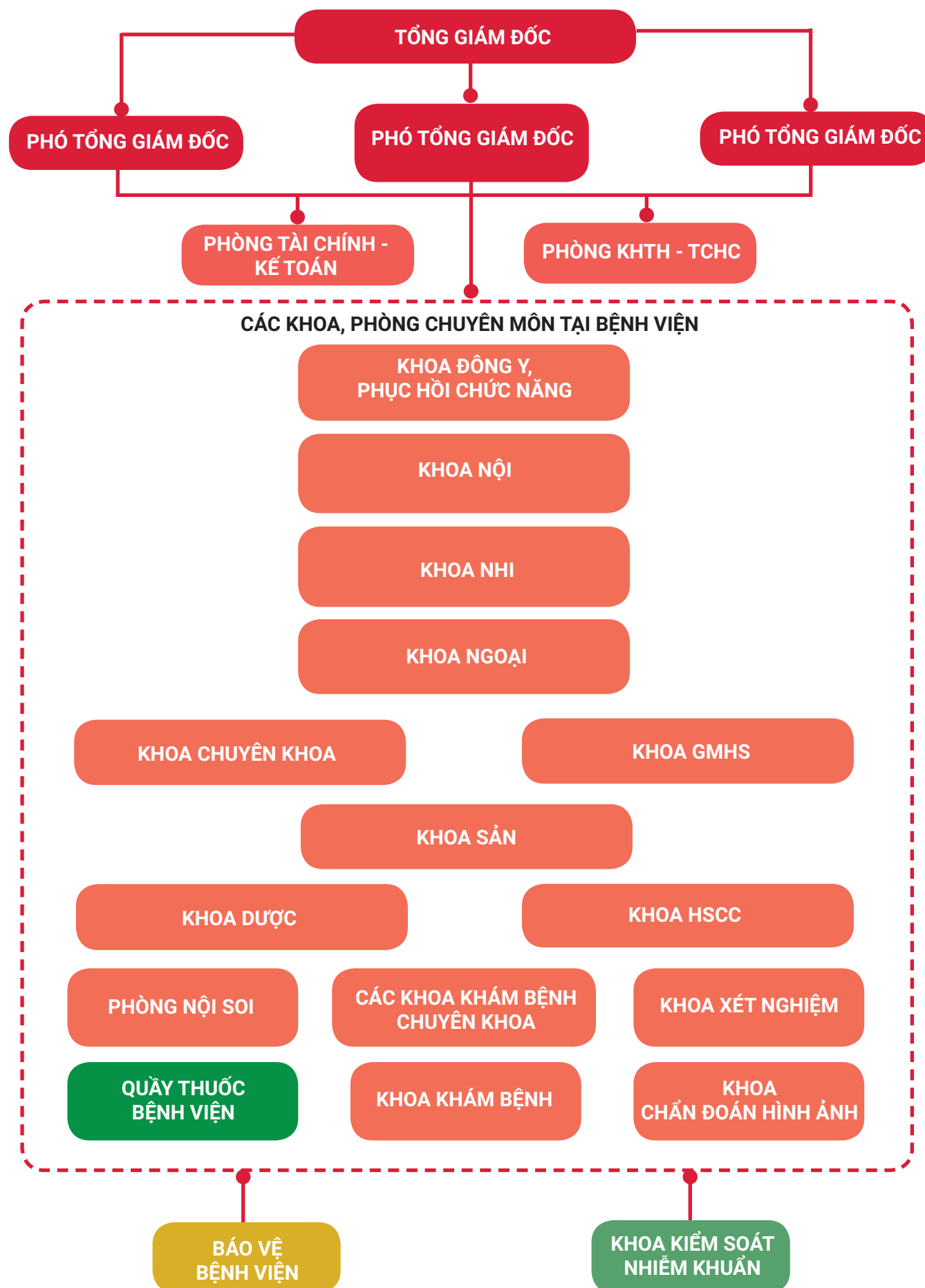


Khoa kiểm soát
nhiễm khuẩn



Bệnh viện có hơn 300 cán bộ, công nhân viên với 73 bác sĩ. Trong đó, 80% có trình độ sau đại học. Ngoài ra còn có hơn 40 giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ của các bệnh viện trung ương thường xuyên tham gia phẫu thuật, khám bệnh, hội chẩn trực tiếp tại bệnh viện đặc biệt là tất cả các ngày thứ 7 và chủ nhật. Bệnh viện đã và đang liên kết với các bệnh viện của Hàn Quốc và Thái Lan nhằm nâng cao công tác chuyên môn và góp phần đưa những kỹ thuật y học tiên tiến thế giới đến với người bệnh Việt Nam.

3. MÔ HÌNH KINH DOANH VÀ NỘI LỰC



Diễn giải bộ máy quản lý

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường, ít nhất mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ không quá 05 năm, có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán hoặc kiểm toán viên.

PHÒNG KHTH & TCHC

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Công ty về việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm; Mua sắm, làm thủ tục nhập, xuất vật tư, nguyên liệu, phụ tùng thay thế, dụng cụ cho sản xuất; Tham mưu và làm các thủ tục pháp lý trong việc ký kết, giám sát thực hiện, thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế với các nhà cung cấp. Tham gia xây dựng phương án kế hoạch giá thành sản phẩm của Công ty; Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các báo cáo thống kê theo quy định và yêu cầu quản trị của Công ty.

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, quy hoạch cán bộ; Lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng lao động, xây dựng định mức lao động và đơn giá tiền lương hàng năm; Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc xây dựng quy chế trả lương, thưởng. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo luật định và quy chế của Công ty; Theo dõi, giám sát việc chấp hành nội quy lao động, nội quy, quy chế của Công ty và thực hiện công tác kỷ luật. Thực hiện các nhiệm vụ của công tác hành chính, văn thư lưu trữ, quản lý xe ô tô con, vệ sinh môi trường, ngoại cảnh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập HĐQT là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số thành viên HĐQT phải thường trú ở Việt Nam ít nhất là 02 thành viên.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc quyết định thuê người khác làm Tổng Giám đốc Công ty. Nhiệm kỳ Tổng giám đốc không quá 05 năm, có thể được bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc là người điều hành, quản lý công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

- Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Công ty về lĩnh vực tài chính kế toán.
- Phòng có chức năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm;
- Tổ chức công tác hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính theo quy định và các báo cáo quản trị theo yêu cầu của Công ty;
- Thực hiện thu tiền bán hàng, quản lý kho quỹ;
- Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc lập hóa đơn chứng từ ban đầu cho công tác hạch toán kế toán; hướng dẫn, tổng hợp báo cáo thống kê

BẢO VỆ BỆNH VIỆN

- Thực hiện công tác bảo vệ Bệnh viện.
- Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch bảo vệ, an ninh, quốc phòng, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt hàng năm.

Các khoa chuyên môn tại bệnh viện

Khoa hồi sức cấp cứu

Khoa Cấp cứu - là khoa lâm sàng, có chức năng: Tiếp nhận khám, chẩn đoán, điều trị và chăm sóc toàn diện bệnh nhân cấp cứu nặng có chức năng sống bị đe dọa cần thiết phải hỗ trợ bằng các thiết bị kỹ thuật y tế đặc biệt thuộc lĩnh vực các bệnh Truyền nhiễm và Nhiệt đới.
Khoa Cấp cứu - Điều trị tích cực có nhiệm vụ thực hiện quy chế của khoa Lâm sàng, Hồi sức cấp cứu trong Quy chế bệnh viện do Bộ Y tế ban hành. Cán bộ, viên chức của Khoa phải có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, năng lực, phẩm chất của người cán bộ y tế.

Khoa nội

Bệnh lý tim mạch: Suy tim, tăng huyết áp...
• Bệnh lý tiêu hoá: Viêm loét dạ dày, đại tràng, xơ gan...
• Bệnh lý nội tiết: Đái tháo đường, basedow...
• Bệnh lý tiết niệu: Viêm đường tiết niệu, suy thận...
• Bệnh lý cơ, xương, khớp: Viêm khớp dạng thấp...

Khoa dược & quây thuốc

Khoa Dược là khoa cận lâm sàng có chức năng: Cung ứng kịp thời, đầy đủ thuốc, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế tiêu hao phục vụ điều trị nội, ngoại trú, phòng chống dịch và chi viện cho tuyến dưới theo yêu cầu của Bộ Y tế, giám sát, kiểm tra việc sử dụng thuốc hợp lý an toàn theo quy chế dược chính của Bộ Y tế.

Khoa xét nghiệm

Khoa Xét nghiệm là khoa cận lâm sàng, có chức năng: Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm về huyết học, sinh hóa, vi sinh, ký sinh trùng, sinh học phân tử, miễn dịch... phục vụ cho việc chẩn đoán, xác định nguyên nhân gây bệnh, theo dõi diễn tiến của bệnh nhân trong quá trình điều trị.

Khoa ngoại

• Chức năng: Khoa ngoại tổng hợp là khoa lâm sàng có chức năng thực hiện thủ tục khám và điều trị bằng phẫu thuật, cho bệnh nhân trong toàn tỉnh và một số địa bàn của tỉnh bạn như Cao Bằng, Tuyên Quang...

Khoa gây mê hồi sức

Khoa phẫu thuật GMHS là khoa lâm sàng, gồm hệ thống các buồng phẫu thuật để thực hiện các phẫu thuật, thủ thuật theo chương trình và cấp cứu, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc bệnh viện và chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về tổ chức thực hiện các hoạt động tại khoa.

Khoa chẩn đoán hình ảnh, nội soi

Khoa chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng là khoa cận lâm sàng có chức năng: Thực hiện các kỹ thuật tạo ảnh y học bằng các thiết bị X-Quang, siêu âm, cắt lớp, cộng hưởng từ.. và thực hiện các kỹ thuật nội soi, thăm dò chức năng,...Viêm khớp dạng thấp...

Khoa khám bệnh

Khoa Khám bệnh là khoa lâm sàng có chức năng: Tiếp đón, khám chữa bệnh ngoại trú, chọn lọc bệnh nhân vào điều trị nội trú; hướng dẫn chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người bệnh.

Khoa nhi

• Khám và điều trị: Tất cả các bệnh lý nội nhi từ 1 tháng tuổi đến 15 tuổi. Bệnh nhi sau phẫu thuật cần phải chăm sóc đặc biệt.

Khoa sản

• Khám quản lý thai nghén và điều trị các bệnh lý sản khoa
• Khám và điều trị các bệnh lý phụ khoa
• Khám và điều trị vô sinh
• Phẫu thuật mổ mở trong sản phụ khoa
• Phẫu thuật nội soi
• Đề giảm đau.

Khoa Đông Y - Phục hồi chức năng

Khoa Đông y - Phục hồi chức năng điều trị bệnh nhân bằng phương pháp y học cổ truyền như châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt, sử dụng thuốc bắc... Bên cạnh đó, khoa còn khám chữa bệnh Đông – Tây y kết hợp, phối hợp chặt chẽ với các khoa Lâm sàng , Xét nghiệm , Chẩn đoán hình ảnh, Thăm dò chức năng ..trong bệnh viện nhằm phát huy thế mạnh của 2 nền y học Đông – Tây y để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh.Viêm khớp dạng thấp...

Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn

Khoa Chống nhiễm khuẩn là khoa cận lâm sàng có chức năng: Thực hiện khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ, trang thiết bị y tế, buồng bệnh và chất thải; Giám sát, kiểm tra đôn đốc các khoa, phòng thực hiện quy chế chống nhiễm khuẩn và xử lý chất thải bệnh viện. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Giám đốc phân công.

Các khoa khám bệnh chuyên khoa

• Phòng Răng hàm mặt
• Phòng Tai Mũi Họng
• Phòng khám mắt

4. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông Hoàng Tuyên - Chủ tịch HĐQT

Sinh ngày	30/09/1965
Số CMND	013177543 do CATP Hà Nội cấp ngày 28/03/2009
Nơi sinh	Ba Bể - Bắc Kạn
Cư trú	1514 CT5X2, phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Bác sỹ đa khoa
Quá trình công tác	- Từ 1995 – 1999: Giám định viên BHYT - Bảo hiểm Tỉnh Thái Nguyên. - Từ 1999 – 2003: Nhân viên - Ban tổ chức cán bộ BHYT Việt Nam. - Từ 2003 – 2009: Nhân viên - Ban kiểm tra BHXH Việt Nam. - Từ 2009 – 2013: Chủ tịch HĐQT - CTCP Bệnh viện đa khoa trung tâm Thái Nguyên. - Từ 2013 – Nay: Chủ tịch HĐQT - CTCP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.

2. Ông Lê Xuân Tân -Thành viên HĐQT kiêm TGD

Sinh ngày	01/08/1951
Số CMND	090451238 do CA tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 08/03/2013
Nơi sinh	Huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
Cư trú	Tổ 8, thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Bác sỹ chuyên khoa II Ngoại khoa
Quá trình công tác	- Từ 06/1972 – 08/1975: Bộ đội - Bệnh viện C18 quân khu 5 - Từ 01/1978 – 05/1992: Bí thư Đảng ủy; Trưởng khoa Ngoại Sản - Bệnh viện Công ty Than 3 – Bộ Năng Lượng - Từ 06/1992 – 12/1997: Bí thư chi bộ; Giám đốc - Trung tâm Y tế huyện Phổ Yên – Tỉnh Thái Nguyên - Từ 01/1998 – 10/2011: Bí thư Đảng ủy; Giám đốc - Bệnh viện C tỉnh Thái Nguyên - Từ 11//2011 – 2013: Giám đốc - Trung tâm trị liệu ung thư Bệnh viện C Thái Nguyên – Gammastar - Từ 2013 – nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên

3. Ông Lương Đình Hiền - Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Sinh ngày	01/05/1954
Số CMND	090426463 do CA tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 23/09/2004
Nơi sinh	Ngô Quyền - Tiên Lữ - Hưng Yên
Cư trú	Tổ 27, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	- Từ 1977 – 1980: Nhân viên - Sở Tài chính Thái Nguyên - Từ 1980 – 1985: Phó Giám đốc - Bảo hiểm Bảo Việt Thái Nguyên - Từ 1985 – 2004: Giám đốc - Bảo hiểm Bảo Việt Thái Nguyên - Từ 2004 – 2014: Giám đốc - Công ty Bảo hiểm Pijco Thái Nguyên - Từ 2013 – nay: Ủy viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên kiêm Phó Tổng Giám đốc - CTCP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên

4. Ông Nguyễn Văn Thủy - Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Sinh ngày	24/04/1955
Số CMND	090094474 do Công an Tỉnh Thái Nguyên, Cấp ngày 11/03/2018
Nơi sinh	Thái Nguyên
Cư trú	Xã Tân Hương – Huyện Phổ Yên – T. Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	- Từ năm 1990 – Tháng 3/2018: Giám đốc - Công ty TNHH Xuân Thủy - Từ 2013 – nay: Ủy viên HĐQT - CTCP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên; Phó Tổng Giám đốc - CTCP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên

5. Ông Nguyễn Vũ Phương - Ủy viên HĐQT

Sinh ngày	14/01/1961
Số CMND	090857411 Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14/10/2013
Nơi sinh	Phú Thọ
Cư trú	Tổ 32, P. Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn	Bác sỹ chuyên khoa II
Quá trình công tác	- Từ năm 1984 đến năm 2006: Bác sỹ - Khoa Ngoại Bệnh viện Đa khoa TW Thái Nguyên; Giảng viên bộ môn Ngoại - Trường ĐH Y Dược Thái Nguyên - Từ năm 2007 đến nay: Giám đốc - Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Thái Nguyên - Từ năm 2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc - CTCP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.

6. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu – Thành viên HĐQT

Sinh ngày	01/07/1973
Số CMND	0967647441 do Công an Thái Nguyên cấp ngày 19/04/2007
Nơi sinh	Sông Công – Thái Nguyên
Cư trú	Tổ 15, Phường Thịnh Đán,Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Y học
Quá trình công tác	• Từ năm 1995 – 2009:Bác sỹ - Bệnh viện Y học Cổ truyền Tỉnh Thái Nguyên • Từ 2009 – 2011: Giảng viên trường Trung cấp Y Dược Tuệ Tĩnh Hà Nội • Từ 2011 – 2013: Giảng viên trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên • Từ 2013 đến nay: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Kim Sơn • Từ 2016 - Nay: Ủy viên HĐQT – CTCP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.

7. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Thành viên HĐQT

Sinh ngày	11/01/1967
Số CMND	008167000032 do Công an Hà Nội Cấp ngày 11/02/2009
Nơi sinh	Thành phố Tuyên Quang
Cư trú	301 – C8 – Nghĩa Tân – Cầu Giấy – Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Cử nhân điều dưỡng
Quá trình công tác	• Từ năm 1919 – 2006:Giảng viên - trường Trung cấp Y tế Tuyên Quang • Từ 2006 – 2009: Nhân viên Bệnh viện Thể Thao • Từ 2009 – 2016: Nhân viên Công ty Cổ phần triển lãm Giảng Võ • Từ 2017 đến nay: Nhân viên Nhà xuất bản Việt Nam • Từ 2016 - Nay: Ủy viên HĐQT – CTCP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.

BAN KIỂM SOÁT

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Trưởng Ban kiểm soát

Sinh ngày	15/12/1994
Số CMND	091679843 do CA tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 30/10/2018
Nơi sinh	Thị trấn Đu, Tỉnh Thái Nguyên
Cư trú	Tổ 18, Phường Quang Trung, Thành phố Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	• Từ 07/2017 – 28/02/2019: Công ty TNHH ICSN Tech Việt Nam • Từ 04/2019 – nay: Trưởng Ban kiểm soát - CTCP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hoà - Thành viên Ban kiểm soát

Sinh ngày	22/07/1982
Số CMND	090893524 do Công an Thái Nguyên cấp ngày 19/08/2015
Nơi sinh	Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
Cư trú	Tổ 13 - phường Gia Sàng - thành phố Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật Ths Giáo dục học
Qúa trình công tác	• Từ 08/2017 – 12/2019: Giảng viên trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Công nghiệp • Từ 4/2019 – nay: Thành viên Ban kiểm soát - CTCP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên

3.Bà Hứa Thị Hoa Linh - Thành viên Ban kiểm soát

Sinh ngày	04/11/1995
Số CMND	095256164 do Công an Bắc Kạn cấp ngày 07/02/2018
Nơi sinh	Huyện Chợ Đồn, Tỉnh Bắc Kạn
Cư trú	Tổ 14, Phường Sông Cầu, TP Bắc Kạn
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Qúa trình công tác	• Từ 04/2019 – nay: Thành viên Ban kiểm soát - CTCP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên

5. VỊ THẾ NGÀNH & PHÂN TÍCH S.W.O.T

Phân tích S.W.O.T



ĐIỂM MẠNH

1. Chính thức đi vào hoạt động từ tháng 02 năm 2014, bệnh viện được trang bị nhiều thiết bị hiện đại như: máy chụp cắt lớp vi tính 64 dãy – một trong những thiết bị hiện đại nhất được sử dụng tại các cơ sở y tế ở các tỉnh miền núi phía bắc; máy chụp cộng hưởng từ; máy nội soi màu 04 chiều; hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa, huyết học, miễn dịch hoàn toàn tự động; hệ thống máy phẫu thuật nội soi; nội soi chẩn đoán; hệ thống máy thở hiện đại.

2. Bệnh viện có hơn 300 cán bộ, công nhân viên với 73 bác sĩ. Trong đó, 80% có trình độ sau đại học. ngoài ra còn có hơn 40 giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ của các bệnh viện trung ương thường xuyên tham gia phẫu thuật, khám bệnh, hội chẩn trực tiếp tại bệnh viện. Bệnh viện đã và đang liên kết với các bệnh viện của Hàn Quốc và Thái Lan nhằm nâng cao công tác chuyên môn và góp phần đưa những kỹ thuật y học tiên tiến thế giới đến với người bệnh Việt Nam.

ĐIỂM YẾU

1. Hiện nay, với 3 cơ sở trên toàn tỉnh, quy mô gần 2000 giường bệnh nhưng bệnh viện luôn rơi vào tình trạng quá tải.

2. Nhu cầu đối với máy móc, trang thiết bị hiện đại, dược phẩm phục vụ mục đích khám chữa bệnh chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu chi phí của Doanh nghiệp



CƠ HỘI

1. Công ty đã ký được hợp đồng chính thức với Sam Sung Thái Nguyên, nhà máy lớn nhất châu Á của tập đoàn Samsung có quy mô hơn 180.000 công nhân và cán bộ trong khu công nghiệp – đây được xem là nguồn thu lớn cho bệnh viện.

2. Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên nằm ngay trên địa bàn tỉnh, cung cấp nguồn lao động chất lượng, được đào tạo chính quy cho bệnh viện.



THÁCH THỨC

Các bệnh viện khác trong tỉnh Thái Nguyên cũng đang ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ, tiến hành đầu tư xây mới cơ sở vật chất.

Vị thế

Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên là một bệnh viện ngoài công lập, bắt đầu hoạt động từ năm 2014. Bệnh viện được thành lập nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh chất lượng cao của nhân dân ở tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận, một khu vực có nhu cầu khám chữa bệnh của người dân rất cao và thường xuyên xảy ra tình trạng quá tải tại các bệnh viện công lập. Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên là bệnh viện được đầu tư cơ sở hạ tầng quy mô, hiện đại và đồng bộ vào loại bậc nhất của tỉnh Thái Nguyên. Một số công nghệ phục vụ khám chữa bệnh và quản lý được áp dụng tại bệnh viện như: Hệ thống chụp cắt lớp 64 dãy, phần mềm quản lý bệnh viện hay hệ thống camera giám sát,... là những hệ thống chưa được bệnh viện nào khác ở tỉnh Thái Nguyên sử dụng.

Về nhân lực, bệnh viện có sự phục vụ của đội ngũ y bác sĩ có trình độ cao và giàu kinh nghiệm và được sự hỗ trợ thường xuyên của các bác sĩ đầu ngành đến từ các bệnh viện Trung ương. Bệnh viện cũng đã thực hiện được nhiều kỹ thuật khám chữa bệnh phức tạp như mổ thoát vị đĩa đệm, tán sỏi laser,... Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên luôn hướng tới trở thành một bệnh viện có chất lượng dịch vụ chăm sóc y tế cao cấp và chuyên nghiệp, luôn đổi mới, làm hài lòng khách hàng bằng chất lượng khám chữa bệnh và dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt nhất, với giá trị cốt lõi là tính chuyên nghiệp, hiệu quả công việc, tính trung thực, tinh thần đồng đội và thái độ tích cực.

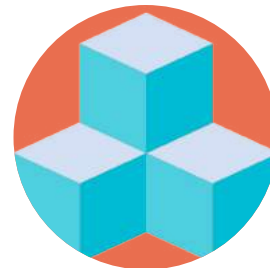
6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Về Nhân sự

Tiếp tục thu hút nhân sự có trình độ, kinh nghiệm; tuyển dụng từ nguồn nhân lực chất lượng cao từ các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn và các tỉnh lân cận. Đào tạo nhân lực không chỉ giỏi về chuyên môn mà còn chuyên nghiệp trong dịch vụ, với mục tiêu sự hài lòng của người bệnh là ưu tiên của Doanh nghiệp.

Bệnh viện đã và đang liên kết với các bệnh viện của Hàn Quốc và Thái Lan nhằm nâng cao công tác chuyên môn và góp phần đưa những kỹ thuật y học tiên tiến thế giới đến với người bệnh Việt Nam.



Về Quy mô

Mở rộng mô hình bệnh viện tư nhân sang các tỉnh lân cận như Tuyên Quang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn ... để phục vụ hầu hết người dân các tỉnh vùng trung du miền núi Đông Bắc Bộ.

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên sắp tới sẽ đưa cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán, trở thành một trong những bệnh viện đầu tiên có cổ phiếu niêm yết, từ đó khẳng định vị thế trong ngành Y Tế tỉnh Thái Nguyên nói riêng và khu vực miền Bắc nói chung. Doanh nghiệp hướng tới mục tiêu sở hữu các bệnh viện hàng đầu Việt Nam về dịch vụ và chất lượng khám chữa bệnh, trở thành điểm đến uy tín cho người bệnh cả trong và ngoài nước.



Về dịch vụ khám chữa bệnh, đầu tư cơ sở vật chất

Duy trì, củng cố chất lượng khám chữa bệnh, đảm bảo dịch vụ khám chữa bệnh cho cán bộ công nhân viên cho các doanh nghiệp trên toàn tỉnh và tiến hành mở rộng tệp khách hàng doanh nghiệp, đảm bảo doanh thu từ nguồn này ở mức tăng trưởng, ổn định.

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế hiện đại, nhập khẩu từ các nhà thầu, nhà cung cấp uy tín giàu kinh nghiệm

7. RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.

Các rủi ro hình thành từ biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô chính như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, chính sách phát triển ngành... Những rủi ro này sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.



Rủi ro về lạm phát

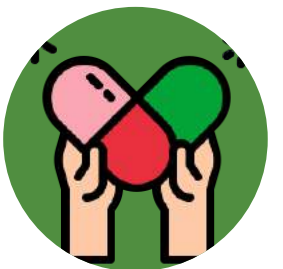
Rủi ro về tỷ giá: Sự biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí nhập khẩu trang thiết bị, máy móc, dược phẩm của Công ty. Công ty sẽ theo dõi chặt chẽ xu hướng tỷ giá và có những ứng biến kịp thời để giảm thiểu rủi ro này.

Rủi ro lãi suất: Bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược mua sắm, đầu tư hợp lý. Khi lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty.



Rủi ro hoạt động kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh

Dịch vụ khám chữa bệnh của doanh nghiệp phải đối mặt với việc quá tải, chưa đủ đáp ứng nhu cầu của người bệnh trong khu vực. Sau khi Giai đoạn 2 của Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên và Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên đi vào hoạt động, Bệnh viện đã và đang đối mặt với việc thiếu hụt lớn các y bác sĩ. Việc tuyển mộ nguồn lao động có chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm đang được công ty tiến hành nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân và các doanh nghiệp.



Rủi ro thương mại

Là doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu thiết bị y tế, dược phẩm, mọi biến động tỷ giá cũng như giá cả hàng hóa có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Những quy định ngày càng chặt chẽ đối với các mảng dịch vụ xuất nhập khẩu, kho ngoại quan khiến nhiều doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn.



Rủi ro pháp luật

Rủi ro phát sinh do việc không kịp thời nắm bắt các quy định của pháp luật dẫn tới các tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên còn nhiều hạn chế cũng như thường xuyên thay đổi. Để hạn chế những tác động này, Công ty đã xây dựng điều lệ và quy chế quản trị cập nhật với những văn bản pháp luật mới nhất.



03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

- 3.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 3.2. Tổ chức và nhân sự
- 3.3. Tình hình đầu tư thực hiện dự án
- 3.4. Tình hình tài chính
- 3.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu



3.1-TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thông tin ngành trong năm

Thị trường ngành Y tế tại Việt Nam hiện nay có thể coi là một thị trường tiềm năng, khi có trên 98 triệu dân, với nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao, cũng như sự hỗ trợ đến từ chính sách của nhà nước.

Dân số Việt Nam hiện nay là trên 98 triệu dân, và được dự báo sẽ chạm mốc hơn 100 triệu người trong vòng 10 năm tới. Thêm vào đó, dân số Việt Nam cũng được dự đoán sẽ bước vào giai đoạn già hóa kéo dài khoảng 30 năm, bắt đầu từ năm 2020, trước khi bước vào giai đoạn dân số già. Như vậy có thể thấy nhu cầu khám chữa bệnh của người dân Việt Nam trong tương lai sẽ rất lớn khi dân số tăng và số người trong độ tuổi có nhu cầu lớn về khám chữa bệnh cũng tăng.

Tuy nhiên, hiện tại cơ sở vật chất khám chữa bệnh tại Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân, đặc biệt là các bệnh viện ở tuyến địa phương, khi liên tục xảy ra tình trạng quá tải tại các bệnh viện lớn và các bệnh viện ở tuyến trung ương. Vì vậy, những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Do đó, hệ thống y tế ngoài công lập đã phát triển và đóng góp vào kết quả chung của ngành y tế. Hệ thống các phòng khám, các Bệnh viện ngoài công lập được đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế, huy động các nguồn nhân lực, tổ chức hoạt động khám chữa bệnh hiệu quả, nhanh chóng, thuận tiện, giảm phiền hà cho người bệnh đồng thời góp phần giảm tình trạng quá tải cho các cơ sở y tế công lập.

Y tế tư nhân tiếp tục phát triển cả về quy mô và số lượng. Số bệnh viện tư nhân tăng từ 102 bệnh viện với 5.800 giường bệnh năm 2010 lên 231 bệnh viện (19,4% tổng số bệnh viện) với khoảng 16.000 giường bệnh (5% tổng số giường bệnh) và trên 35.000 phòng khám tư nhân, góp phần đáng kể vào cung cấp dịch vụ y tế, cả khám chữa bệnh và phòng bệnh (cung cấp 43% dịch vụ ngoại trú và 2,1% tổng số dịch vụ nội trú).

Với dự báo về tốc độ gia tăng và già hóa dân số, cũng như phương hướng chính sách của các cơ quan quản lý, triển vọng phát triển ngành Y tế tại Việt Nam trong tương lai được đánh giá là khả quan.

Kết quả thực hiện kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% Kế hoạch
Doanh thu thuần	VNĐ	370.000.000.000	275.448.933.320	74,45%
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	120.000.000.000	88.824.433.877	74,02%

Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty chỉ đạt hơn 74% so với kế hoạch nhưng vẫn tăng nhẹ 2,15% so với năm 2018. Việc kiểm soát tốt chi phí đã giúp lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp đạt mức hơn 88 tỷ, tăng 9,14% so với năm trước. Tình hình kinh doanh duy trì ổn định, không có biến động khiến doanh thu và lợi nhuận của Công ty chưa có sự bứt phá. Dự kiến khi Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên đi vào hoạt động với số giường bệnh và đội ngũ y bác sĩ lớn hơn, doanh thu các năm tiếp theo sẽ tăng trưởng mạnh mẽ.

Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh

Tiêu chí	Đơn vị	2018	2019	% tăng/giảm
Doanh thu thuần	VNĐ	269.650.034.832	275.448.933.320	2%
Lợi nhuận gộp	VNĐ	92.987.548.226	108.426.778.964	17%
Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	85.879.030.438	93.349.741.862	9%
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	81.391.610.568	88.824.433.877	9%

Năm 2019 Công ty cổ phần Quốc tế Thái Nguyên ghi nhận doanh thu thuần 275,45 tỷ, tăng 2% so với năm 2018. Trong khi đó, chi phí giá vốn hàng bán giảm từ 176,66 tỷ xuống còn hơn 167 tỷ đồng, tương ứng giảm 5%. Do đó, lợi nhuận gộp 2019 tăng lên hơn 108 tỷ, tương ứng 17% so với năm trước.

Mức tăng 9% cũng là mức tăng đối với lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp. Chi phí hoạt động tài chính tăng từ hơn 3,8 tỷ lên gần 8,4 tỷ. Mức chi phí hoạt động tài chính tăng cao như vậy là do lãi vay từ các khoản vay ngắn và dài hạn. Các khoản vay ngắn hạn với tổng giá trị vay là 20,415 tỷ, bao gồm 2 hợp đồng tín dụng cuối năm 2018 và 1 hợp đồng tháng 3 năm 2019. Các khoản vay dài hạn lần lượt có hạn mức là 200 tỷ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - hợp đồng tháng 8/2019, 35 tỷ tại Ngân hàng TMCP Quân đội - hợp đồng tháng 3/2019 và 20 tỷ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam từ năm 2013. Việc chi trả lãi cho các khoản vay phát sinh cuối năm 2018 đầu năm 2019 này đã khiến chi phí tài chính của doanh nghiệp tăng đột biến.

Ngoài ra, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng lên gần 6,5 tỷ, tăng 99% so với năm trước. Sau khi Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên và Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên đi vào hoạt động, số lượng cán bộ công nhân viên, các y bác sĩ tăng lên, do vậy chi phí nhân công của Doanh nghiệp cũng tăng mạnh.

Do hoạt động trong ngành Bệnh viện, thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ chiếm 5% lợi nhuận trước thuế, đây là một lợi thế rất lớn của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận

Doanh thu của Bệnh viện gần như toàn bộ đến từ hoạt động cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, doanh thu từ hoạt động tài chính và thanh lý tài sản cố định là không đáng kể, chỉ lần lượt là 4,7 triệu đồng và 13,6 triệu đồng trong năm 2019.



3.2-TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Những thay đổi của Ban điều hành trong năm:
Trong năm qua, Doanh nghiệp không có sự thay đổi nhân sự trong Ban Điều hành.

Nhân sự & chính sách nhân sự

Nhân sự

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	141	40%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	204	58%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	0	0%
4	Lao động phổ thông	6	2%
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động trực tiếp	351	100%
2	Lao động gián tiếp	0	0%
III	Theo giới tính		
1	Nam	83	24%
2	Nữ	268	76%
	Tổng cộng	351	100%



Chính sách đào tạo

- Chính sách**

 - Nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu công việc, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng bệnh viện.
 - Trang bị kiến thức các kỹ năng về nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý hành chính, quản lý bệnh viện và bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.
- Nguyên tắc đào tạo**

 - Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn viên chức quản lý và kế hoạch đào tạo được xây dựng hàng năm theo nhu cầu cụ thể.
 - Đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả trong công tác đào tạo, bồi dưỡng. Khuyến khích tinh thần học tập nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công tác, nhiệm vụ.
 - Đảm bảo thực hiện đúng các chế độ đào tạo theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của bệnh viện.

Chính sách nhân sự



Chính sách lương hưởng & phúc lợi

Công ty đã và đang tiếp tục cải thiện chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc. Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những lao động có năng lực quản lý và trình độ chuyên môn cao, có nhiều ý tưởng trong nghiên cứu mang lại lợi ích cho Công ty.

Ngoài chế độ tiền lương, Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch, tạo cho người lao động yên tâm để gắn bó và làm việc hết mình cho doanh nghiệp.

3.3-TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ & THỰC HIỆN DỰ ÁN

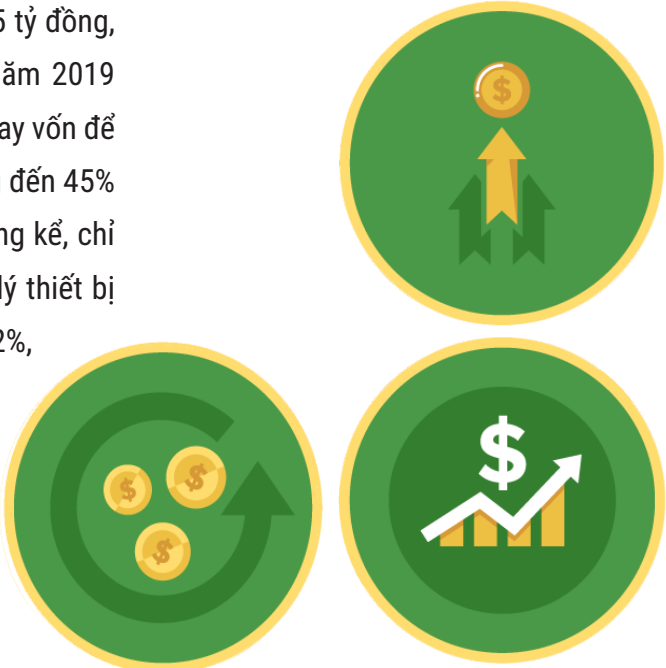


Cuối năm 2019, Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên và Cơ sở II của Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đã đi vào hoạt động, bước đầu đã đón bệnh nhân tới khám chữa bệnh. Hiện tại, Công ty tiếp tục mời thầu để hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của Bệnh viện.

3.4-TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	Tăng/giảm
Tổng tài sản	VNĐ	515.048.603.031	879.953.204.630	71%
Doanh thu thuần	VNĐ	269.650.034.832	275.448.933.320	2%
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	VNĐ	3.258.811	4.740.652	45%
Lợi nhuận khác	VNĐ	-	13.600.000	100%
Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	85.879.030.438	93.349.741.862	9%
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	81.391.610.568	88.824.433.877	9%

Tổng doanh thu năm 2019 của doanh nghiệp đạt gần 275,5 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2018. Tổng tài sản tăng mạnh do năm 2019 Doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và tiến hành vay vốn để đầu tư, phục vụ công tác sản xuất kinh doanh. Mặc dù tăng đến 45% nhưng lợi nhuận từ hoạt động tài chính gần như không đáng kể, chỉ đạt hơn 4,7 triệu đồng. Lợi nhuận khác đến từ việc thanh lý thiết bị trong năm, giá trị 13,6 triệu đồng. Tuy doanh thu chỉ tăng 2%, nhưng nhờ quản lý các chi phí hiệu quả, lợi nhuận trước và sau thuế của doanh nghiệp đều tăng 9%.



Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	Tăng/giảm
1. Hệ số khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4,12	3,46	(0,66)
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4,06	3,42	(0,64)
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	14,63	39,94	25%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	17,14	66,49	49%
3. Hệ số năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	67,59	42,64	(24,95)
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,52	0,31	(0,21)
4. Hệ số khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	30,18	32,25	2%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	20,40	18,35	(2%)
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	16,58	12,74	(4%)
- Hệ số lợi nhuận thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	31,85	33,97	2%

Hệ số khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Doanh nghiệp giảm 0,66 lần so với năm 2018, dừng ở mức 3,46 lần. Hệ số thanh toán nhanh giảm 0,64 lần, còn 3,42 lần. Việc giảm các hệ số khả năng thanh toán là do trong năm, doanh nghiệp đã vay thêm các khoản vay mới, trong đó, riêng nợ dài hạn của công ty đã tăng từ hơn 26 tỷ lên hơn 250 tỷ đồng. Việc vay vốn sẽ giúp doanh nghiệp bổ sung nguồn lực trong việc tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng của Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và Bệnh viện Yên Bình Thái Nguyên.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều tăng và tăng lần lượt là 25% và 49%. Năm 2019, Công ty đã thực hiện vay các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn để đầu tư tài sản, mua sắm trang thiết bị, xây dựng tài sản cố định. Tổng nợ phải trả của công ty là hơn 75 tỷ năm 2018 đã tăng lên hơn 351 tỷ đồng. Mức độ vay nợ của Doanh nghiệp để tài trợ cho tài sản vẫn đang ở mức an toàn và Công ty vẫn đang kiểm soát tình hình vay nợ hợp lý và ổn định.

Hệ số năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 67,59 xuống còn 42,64. Nguyên nhân là do giá vốn hàng bán giảm từ 176,67 tỷ xuống còn hơn 167 tỷ và hàng tồn kho tăng từ gần 3,2 tỷ lên 4,6 tỷ. Việc giảm giá vốn hàng bán và mua sắm công cụ, thiết bị vật tư y tế khiến hàng tồn kho tăng đã kéo hệ số vòng quay hàng tồn kho giảm. Hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản giảm 0,21 lần do tổng tài sản trong năm 2019 đã tăng 71% lên gần 880 tỷ từ các hoạt động mua sắm, đầu tư xây dựng.

Hệ số khả năng sinh lời

Hai chỉ số quan trọng là ROE và ROA đều có xu hướng giảm nhẹ trong năm 2019, theo thứ tự, giảm 2% và 4%, do cả vốn chủ sở hữu và tài sản của Doanh nghiệp đều tăng đáng kể từ hoạt động tăng vốn, mua sắm, xây dựng tài sản, vay vốn từ ngân hàng.

3.5-CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ	415.000.000.000 đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết	41.500.000 cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu lưu hành	41.500.000 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	0
Mệnh giá	10.000 đồng

Thông tin cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Cổ đông nhà nước	-	-
2	Cổ đông lớn (sở hữu trên 5% vốn CP)	18.720.924	45,11%
	- Trong nước	18.720.924	45,11%
	- Nước ngoài	-	-
3	Cổ đông khác	22.779.076	54.89%
	Tổng cộng	41.500.000	100%

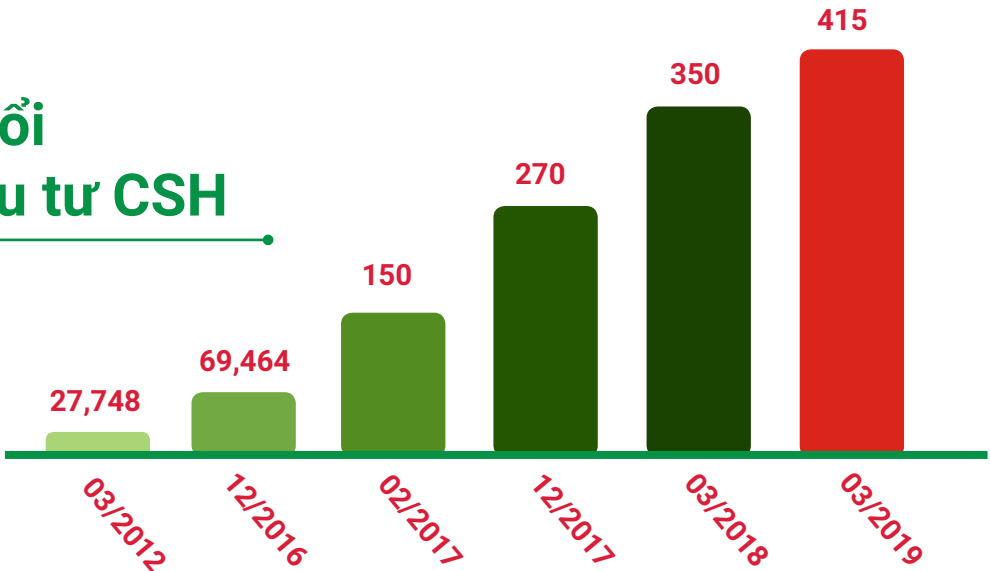
Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 08/05/2020

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Hoàng Tuyên	1514 CT5X2, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Tp Hà Nội	7.972.580	19,21%
2	Nguyễn Thị Ngọc Thu	Phường Thịnh Đán, Tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	3.746.000	9,03%
3	Hoàng Thao	Phường Quang Trung. Tp Thái Nguyên. Tỉnh Thái Nguyên	3.746.000	5,68%
4	Nguyễn Văn Thủy	Xóm Vàng. Tân Hương. Phố Yên. Thái Nguyên	2.346.400	5,65%
5	Vũ Văn Thành	Phố 7. Ninh Giang. TP Ninh Bình. Ninh Bình	2.299.244	5,54%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 08/05/2020

Thay đổi vốn đầu tư CSH





04

BÁO CÁO CỦA Ban Tổng Giám đốc

- 4.1. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh
- 4.2. Tình hình tài chính
- 4.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- 4.4. Phương hướng phát triển

4.1-ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá tổng quan

Thị trường ngành Y tế tại Việt Nam hiện nay có thể coi là một thị trường tiềm năng, khi có trên 98 triệu dân, với nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao, cũng như sự hỗ trợ đến từ chính sách của nhà nước.

Dân số Việt Nam hiện nay là trên 98 triệu dân, và được dự báo sẽ chạm mốc hơn 100 triệu người trong vòng 10 năm tới. Thêm vào đó, dân số Việt Nam cũng được dự đoán sẽ bước vào giai đoạn già hóa kéo dài khoảng 30 năm, bắt đầu từ năm 2020, trước khi bước vào giai đoạn dân số già. Như vậy có thể thấy nhu cầu khám chữa bệnh của người dân Việt Nam trong tương lai sẽ rất lớn khi dân số tăng và số người trong độ tuổi có nhu cầu lớn về khám chữa bệnh cũng tăng.

Y tế tư nhân tiếp tục phát triển cả về quy mô và số lượng. Số bệnh viện tư nhân tăng từ 102 bệnh viện với 5.800 giường bệnh năm 2010 lên 231 bệnh viện (19,4% tổng số bệnh viện) với khoảng 16.000 giường bệnh (5% tổng số giường bệnh) và trên 35.000 phòng khám tư nhân, góp phần đáng kể vào cung cấp dịch vụ y tế, cả khám chữa bệnh và phòng bệnh (cung cấp 43% dịch vụ ngoại trú và 2,1% tổng số dịch vụ nội trú).

Với dự báo về tốc độ gia tăng và già hóa dân số, cũng như phương hướng chính sách của các cơ quan quản lý, triển vọng phát triển ngành Y tế tại Việt Nam trong tương lai được đánh giá là khả quan.

Giai đoạn II của Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên và Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên cuối năm 2019 đã đi vào hoạt động, hứa hẹn sẽ đóng góp không nhỏ vào doanh thu hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp.

4.2-TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2018		2019		Tăng/ giảm
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	
A. Tài sản ngắn hạn	203.004.561.672	39,41%	340.934.711.955	38,74%	67,94%
B. Tài sản dài hạn	312.044.041.359	60,59%	539.018.492.675	61,26%	72,74%
Tổng tài sản	515.048.603.031	100%	879.953.204.630	100%	70,85%

Tổng tài sản năm 2019 là gần 880 tỷ đồng, tăng 70,85% so với năm 2018. Nhìn chung, tỷ trọng tài sản ngắn hạn và dài hạn trên tổng tài sản không có nhiều thay đổi. Năm 2019 tài sản ngắn hạn đạt trên 340 tỷ, tăng 67,94% so với năm trước, trong khi tài sản dài hạn tăng đáng kể hơn 72,74%.

Trong tài sản ngắn hạn, trả trước người bán chiếm tỷ trọng lớn nhất, tăng từ 86% lên 98%. Điều này là hợp lý do việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, dược phẩm mới của Doanh nghiệp để phục vụ dự án Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên.

Với tài sản dài hạn, tài sản cố định đã tăng từ hơn 65 tỷ lên hơn 415 tỷ đồng là nguyên nhân chính khiến tài sản dài hạn tăng đột biến 72,74%.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2018		2019		Tăng/ giảm
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	
A. Nợ ngắn hạn	49.257.978.986	65,37%	98.412.770.594	28,00%	99,79%
B. Nợ dài hạn	26.089.460.876	34,63%	253.007.397.630	72,00%	869,77%
Nợ phải trả	75.347.439.862	100%	351.420.168.224	100%	366,40%

Tại thời điểm ngày 31/12/2019, tổng nợ phải trả của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên là hơn 351 tỷ đồng, tăng 366,40% so với năm trước. Nợ ngắn hạn tăng 99,79% lên hơn 98 tỷ đồng, trong khi đó, nợ dài hạn tăng gấp 8,69 lần, lên 253 tỷ đồng.

Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, các khoản phải trả người bán ngắn hạn và vay là nợ thuê tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao và có biến động lớn trong năm. Phải trả người bán ngắn hạn tăng 113% từ 9,7 tỷ lên 20,7 tỷ đồng. Trong khi đó, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 154% từ 24,5 tỷ lên 62 tỷ đồng. Các khoản vay ngắn hạn với tổng giá trị vay là 20,415 tỷ, bao gồm 2 hợp đồng tín dụng cuối năm 2018 và 1 hợp đồng tháng 3 năm 2019.

Với nợ dài hạn, nợ ngân hàng chiếm 100%. Các khoản vay dài hạn lần lượt có hạn mức là 200 tỷ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam hợp đồng tháng 8/2019, 35 tỷ tại Ngân hàng TMCP Quân đội hợp đồng tháng 3/2019 và 20 tỷ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam từ năm 2013.

Việc vay vốn tại các ngân hàng nhằm phục vụ mục đích hoàn thiện và đưa hai dự án Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên đi vào hoạt động. Các khoản nợ này đang được doanh nghiệp kiểm soát tốt và mức độ vay nợ ở trong khoảng an toàn.

4.3-CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

STT	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ trọng năm 2018	Tỷ trọng năm 2019
I Theo trình độ lao động						
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	135	141	48,21%	40,17%
2	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	Người	138	204	49,29%	58,12%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	Người	0	0	0%	0%
4	Lao động phổ thông	Người	7	6	2,50%	1,71%
II Theo giới tính						
1	Nam	Người	79	83	28,21%	23,65%
2	Nữ	Người	201	268	71,79%	76,35%
III Chuyên môn						
1	Phó GS, Tiến sỹ	Người	01	01	0,36%	0,28%
2	Bác sỹ CK II	Người	07	11	2,50%	3,13%
3	Bác sỹ CK I	Người	21	43	7,50%	12,25%
4	Thạc sỹ Bác sỹ	Người	10	21	3,57%	5,98%
5	Bác sỹ chuyên khoa	Người	54	83	19,29%	23,65%
6	Khác	Người	187	192	66,79%	54,70%
IV Theo chỉ tiêu khác						
1	Có hợp đồng lao động	Người	280	351	100%	100%
2	Lương theo giờ	Người	0	0	0%	0%
Tổng cộng		Người	280	351	100%	100%

4.4-PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trong năm vừa qua, Công ty đã tăng cường tuyển dụng nhân sự, trong đó, năm 2018 Công ty tuyển dụng 280 nhân sự, thì năm 2019 đã tăng lên nhanh chóng. Công ty cũng đã hoàn tất việc tuyển dụng số lượng lớn người lao động có trình độ chuyên môn chất lượng cao.

Với nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng tăng cao của người dân các tỉnh Tây Bắc Bộ, các khó khăn đến từ tình hình kinh tế vĩ mô, bên cạnh đó là diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 nửa đầu năm 2020, Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đã đưa ra mục tiêu, kế hoạch kinh doanh cho năm 2020 như sau:

Lợi nhuận trước thuế	125 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	120 tỷ đồng

Đồng thời công ty tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng của giai đoạn II Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên cùng Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên, phục vụ nhu cầu người dân trên địa bàn toàn tỉnh, tiếp tục công tác quản trị tốt doanh thu, chi phí để đảm bảo lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong năm 2020 giữ vững mức ổn định.

05

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 5.1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt của Công ty
- 5.2. Đánh giá của HĐQT về Ban Tổng Giám đốc
- 5.3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT



5.1-ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ MỌI MẶT CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	Thực hiện (Tỷ đồng)		KH 2019	%	
	2018	2019		So với KH	So với 2018
Doanh thu	269,65	275,45	370	74,45%	102,15%
LNST	81,39	88,83	120	74,02%	109,14%



Doanh thu năm 2019 của Công ty đã tăng nhẹ so với năm 2018 khoảng 2,15%. Nhờ tối ưu chi phí mà lợi nhuận sau thuế của công ty vẫn tăng 9,14% so với năm trước. Tuy vậy, cả doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp chỉ đạt 74% so với kế hoạch.

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với các chỉ tiêu và nhiệm vụ sát thực tế. HĐQT Công ty đã chỉ đạo quyết liệt, cùng sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên, y sĩ, bác sĩ và sự ủng hộ của Quý cổ đông, năm 2019 Công ty đã vượt qua các khó khăn thách thức của nền kinh tế thị trường, hoàn thành tốt các chỉ tiêu về doanh thu đã đề ra, tiếp tục khẳng định uy tín của Bệnh viện và là tiền đề cho sự ổn định và phát triển cho năm 2020.

5-2 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2019, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản trị Công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc. HĐQT đã chủ trì nhiều cuộc họp về triển khai các kế hoạch, dự án nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty, các cuộc họp liên quan đến bổ nhiệm nhân sự. Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 01 buổi họp ĐHĐCĐ để thông qua các kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, phương hướng, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và 04 buổi họp Hội đồng quản trị.

Kết quả hoạt động
của Ban Tổng Giám đốc năm 2019

Ban Tổng Giám đốc cùng các cán bộ quản lý là những người giàu nhiệt huyết, tay nghề cao trong ngành Y tế cũng như kinh nghiệm điều hành hiệu quả trong quản trị Doanh nghiệp và định hướng hoạt động kinh doanh của Bệnh viện. Trong năm 2019, HĐQT đã đồng hành, giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc cũng như các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được thực hiện một cách minh bạch, đúng pháp luật, Điều lệ công ty, phương hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT đã đề ra. Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý thực hiện báo cáo đầy đủ các hoạt động của Công ty, các dự án đầu tư, các giải trình liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trong nước và trên thế giới, Ban Tổng Giám đốc phối hợp cùng HĐQT đã có các chiến lược, biện pháp chủ động để thích nghi với tình hình thực tế.



Kết luận

Như vậy, Ban Tổng Giám đốc đã cho thấy năng lực trong cả hoạt động quản lý và trong cả hoạt động khám chữa bệnh khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, tuân thủ đầy đủ và chấp hành các quy trình, quy định đề ra theo pháp luật, Điều lệ công ty và định hướng phát triển của Doanh nghiệp, đảm bảo được lợi ích của cổ đông, Doanh nghiệp và các cán bộ công nhân viên của Bệnh viện.

Định hướng trung và dài hạn

Khắc phục các tồn tại và tiếp tục tái cơ cấu mô hình quản trị và quản lý cơ chế phân quyền, quyền lợi gắn với trách nhiệm để tăng hiệu quả quản lý, chuyên môn hóa, quản lý chuyên nghiệp, từng bước mở rộng quy mô trong nước và quốc tế.

1

Kiểm soát chặt chẽ quản lý chất lượng dịch vụ, chi phí và lợi nhuận để đưa ra các chiến lược nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, đưa ra các chiến lược để giải quyết các vấn đề vướng mắc cũng như những khó khăn gặp phải trước các biến động kinh tế.

2

Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm thực hiện hiệu quả các chiến lược cũng như kế hoạch kinh doanh đã đề ra trong năm 2020.

3

Tiếp tục cùng Ban Tổng Giám đốc hoạch định các chiến lược, cơ hội để mở rộng quy mô Bệnh viện, kinh doanh phát triển bền vững.

4

Đối với các vấn đề về nhân sự: Hoạch định các chính sách tối ưu nhất nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân sự y tá bác sĩ của Công ty.

5

5.3-KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ!

Phương hướng thực hiện

Hoạt động cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh là lĩnh vực kinh doanh chính của Doanh nghiệp. Vì vậy, trước những diễn biến của nền kinh tế và dịch bệnh Covid-19, HĐQT đồng hành của Ban Tổng Giám đốc tiếp tục duy trì hoạt động, đẩy mạnh tuyển dụng cán bộ y bác sĩ cho Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người bệnh.

Đánh giá toàn diện năng lực, quy trình hoạt động kinh doanh cũng như đưa ra những ưu, nhược điểm đang tồn tại, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của Công ty, đưa ra các chiến lược chi tiết đến từng bộ phận, phòng ban trong Công ty nhằm nâng cao và phát triển những ưu điểm, khuyến khích việc đưa ra các sáng kiến, ý tưởng, dự án nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả công việc.

Liên tục cập nhật và xây dựng các chính sách nhằm giữ nhân lực chủ chốt và hấp dẫn, thu hút nguồn nhân lực chất lượng với môi trường làm việc thân thiện.

Doanh thu: 370 tỷ đồng
LNST: 120 tỷ đồng



06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 6.1. Hội đồng quản trị
- 6.2. Ban Kiểm soát
- 6.3. Giao dịch và Thù lao
- 6.4. Quản trị Công ty

6.1-HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

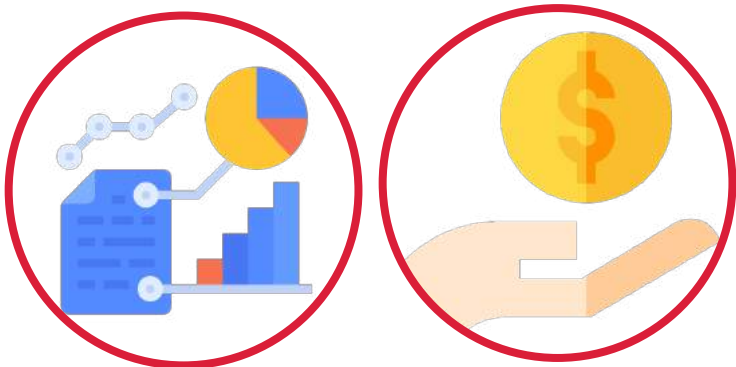


Trong năm 2019, HĐQT đã thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định khác của Pháp luật. HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản lý công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc.

Năm 2019, sau khi có quyết định khai thác Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên, hai đơn vị chính thức đi vào hoạt động.

HĐQT đã chủ trì nhiều cuộc họp thông qua: về việc triển khai các kế hoạch, chiến lược nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty; các vấn đề về tài chính, đầu tư trang thiết bị và xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ mục đích kinh doanh của Bệnh viện.

Trong năm vừa qua, HĐQT đã tổ chức 01 buổi họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua kết quả kinh doanh năm 2018, phương hướng kế hoạch kinh doanh năm 2019 và 04 buổi họp HĐQT



Thông tin về thành viên HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Hoàng Tuyên	Chủ tịch	19/03/2012	04	100%
2	Lê Xuân Tân	Ủy viên	19/03/2012	04	100%
3	Nguyễn Văn Thủy	Ủy viên	19/03/2012	04	100%
4	Lương Đình Hiền	Ủy viên	19/03/2012	04	100%
5	Nguyễn Vũ Phương	Ủy viên	19/03/2012	04	100%
6	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Ủy viên	19/03/2012	04	100%
7	Nguyễn Thị Ngọc Thu	Ủy viên	19/03/2012	04	100%

HĐQT đã triệu tập ĐHĐCĐ, dự thảo chương trình họp, thông báo và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp. Căn cứ nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, theo sát tình hình biến động về kinh tế, giá cả thị trường, tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban điều hành đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ. HĐQT đều tổ chức họp thường kỳ theo các hình thức phù hợp để Tổng giám đốc công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo. Hoạt động quản trị Công ty theo đúng Quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và thường xuyên giám sát, đôn đốc, kiểm tra thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các Nghị quyết ban hành hay các cuộc họp qua đều được Hội đồng quản trị triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị. Trong quyết định của Hội đồng Nghị quyết và giao cho trách nhiệm liên quan

Nghị quyết được thông
giao cho Ban Tổng Giám đốc
cáo Hội đồng quản trị. Trong
quyết định của Hội đồng
Nghị quyết và giao cho
trách nhiệm liên quan



Nghị quyết của HĐQT năm 2019

STT	Thời gian	Nội dung
1	Tháng 3/2019	Thông qua các nội dung về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty
2	Tháng 6/2019	Thống nhất các nội dung liên quan để hoàn tất việc đăng ký Công ty đại chúng và sau đó đã được UBCK chấp thuận là Công ty đại chúng theo công văn số 6885/UBCK-GSĐC về việc đăng ký công ty đại chúng của Công ty cổ phần Bệnh viện quốc tế Thái Nguyên ngày 14/11/2019
3	Tháng 11/2019	Thông qua chủ trương đưa Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên đi vào hoạt động theo Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 261 ngày 04/12/2019 của Bộ trưởng Bộ y tế.
4	Tháng 12/2019	Thông qua việc thay đổi cơ cấu quản trị từ việc Hội đồng quản trị trực tiếp quản lý, điều hành Bệnh viện sang thành Công ty quản lý các chi nhánh hoạt động phụ thuộc, và mỗi chi nhánh là phụ trách hoạt động của một bệnh viện.

6.2-BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng BKS	Tháng 04.2019	04	100%
2	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Thành viên	Tháng 04.2019	04	100%
3	Hứa Thị Hoa Linh	Thành viên	Tháng 04.2019	04	100%

1. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời, đưa ra các phương án và giám sát Ban Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc một cách cẩn trọng, tuân thủ đúng pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất phát sinh theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp nhằm triển khai công tác giám sát cũng như phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình chỉ đạo điều hành, trực tiếp tham gia tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động kinh doanh. Trong năm 2019, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quy định chính sách Nhà nước ban hành cũng như triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển. Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện triển khai các kế hoạch kinh doanh và các hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty.

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với Ban Tổng Giám đốc và Bộ máy quản lý

Ban Tổng Giám đốc và các bộ máy quản lý thực hiện đúng chức năng và thẩm quyền, tuân thủ các quy định của pháp luật, Ban điều hành đã chủ động đưa ra các phương án, chính sách kinh doanh và quyết liệt trong thực thi công việc, đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động của Công ty năm 2019. Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng các chiến lược và chính sách linh hoạt đối với người lao động, cũng như bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao nhằm xây dựng cơ cấu tổ chức ổn định và vững mạnh.

3. Phối hợp giữa BKS, HĐQT, BTGD và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2019 Ban Kiểm soát đã tham dự 04 cuộc họp của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty, các kế hoạch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đề ra cũng như giám sát hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã cung cấp kịp thời các Nghị quyết HĐQT và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu thập các thông tin theo yêu cầu.

4. Kế hoạch đào tạo/học tập về quản trị công ty

Trong thời gian vừa qua, các thành viên HĐQT, BKS, BTGD đã tham gia đào tạo tập huấn và sử dụng hệ thống phần mềm quản trị Doanh nghiệp 1Office, phần mềm quản lý bệnh viện thông minh BVST, phần mềm quản lý bệnh viện HIS, Phần mềm hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh Pacs.

5. Nâng cao hiệu quả quản trị công ty

- Quản trị tài chính – kế toán
Công ty đang sử dụng hệ thống phần mềm kế toán Vacom. Việc sử dụng các phần mềm này giúp cho hoạt động quản trị tài chính kế toán được thực hiện rất khoa học, minh bạch, giảm các sai sót và rủi ro phát sinh trong hoạt động tài chính, kế toán của Công ty.
- Quản trị nhân sự
Công ty đang sử dụng Phần mềm quản lý nhân sự ERP. Năm 2019, Công ty đã thành lập Bộ phận pháp chế riêng biệt để thực hiện các nghiệp vụ pháp chế và quản trị nhân sự, có bộ phận bảo hiểm riêng biệt thuộc phòng Kế hoạch tổng hợp để lo chế độ cho người lao động.
Công ty cũng đã triển khai thực hiện việc họp báo cáo công việc thường nhật và giao ban hàng tuần.

6.3 GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO

Trong năm Công ty không có giao dịch, hợp đồng với các cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và những người có liên quan của người nội bộ.

Trong năm 2019, Công ty không có thù lao cho thành viên HĐQT và BKS.

6.4 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Công ty công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.
- Tham gia các hội nghị, hội thảo do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức để cập nhật các quy định, nghị định mới.



07

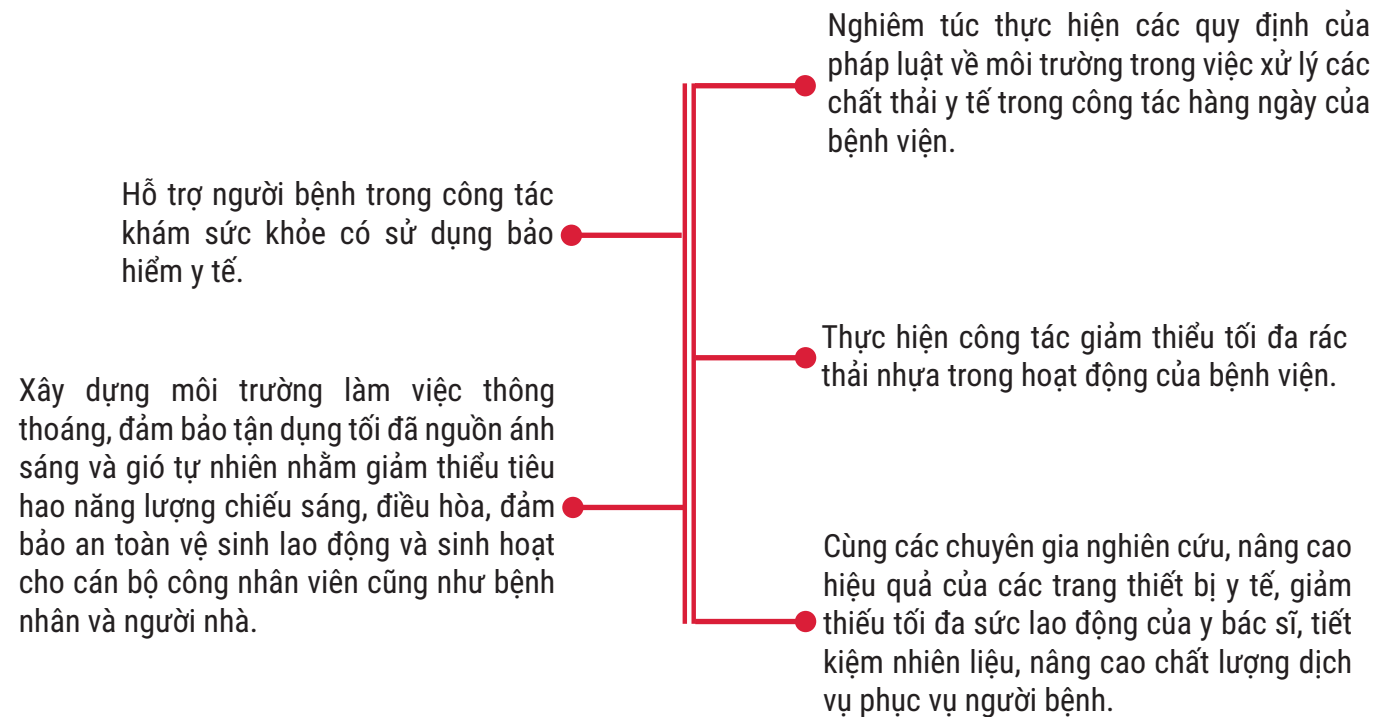
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 7.1. Mục tiêu chung
- 7.2. Mục tiêu sản phẩm dịch vụ
- 7.3. Chính sách người lao động
- 7.4. Phát triển cộng đồng



7.1-MỤC TIÊU CHUNG

Là một trong những Bệnh viện uy tín hàng đầu trong lĩnh vực Y tế, khám chữa bệnh, Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nhận thức rõ các trách nhiệm của mình trong việc cung cấp dịch vụ đi đôi với bảo vệ môi trường. Doanh nghiệp luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và cam kết tạo nên dịch vụ chuyên nghiệp nhất, đảm bảo yếu tố phục vụ cộng đồng, bảo vệ môi trường. Công ty đã đề ra những mục tiêu như sau:



7.2-MỤC TIÊU SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Mục tiêu hiện tại của Doanh nghiệp là tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, mở rộng mô hình bệnh viện tư nhân sang các tỉnh lân cận như Tuyên Quang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn ... để phục vụ hầu hết người dân các tỉnh vùng trung du miền núi Đông Bắc Bộ.

Để đạt được các mục tiêu đã đề ra, Doanh nghiệp luôn tìm cách đổi mới, ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm quản trị quan hệ khách hàng và chất lượng dịch vụ, nhằm đảm bảo sự hài lòng của bệnh nhân. Năm 2019, Công ty đã thành lập Phòng Truyền thông

- Quan hệ khách hàng chuyên trách để chủ động kiểm soát và tăng cường chất lượng dịch vụ cung cấp, cũng như chăm sóc khách hàng sau khi đã ra viện, nhằm giảm thiểu các phàn nàn của khách hàng về các vấn đề phát sinh khi cung cấp dịch vụ.

Chất lượng dịch vụ cung cấp được thực hiện theo đúng quy định của Bộ y tế đối với Bệnh viện hạng III. Sắp tới, Công ty dự kiến sẽ phấn đấu thực hiện nâng cấp thăng hạng lên thành bệnh viện hạng II để cung cấp nhiều các dịch vụ kỹ thuật cao và chất lượng dịch vụ tốt hơn.

7.3-CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Chính sách đào tạo

MỤC TIÊU

- Nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu công việc, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng bệnh viện.
- Trang bị kiến thức các kỹ năng về nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý hành chính, quản lý bệnh viện và bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

NGUYÊN TẮC ĐÀO TẠO

- Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn viên chức quản lý và kế hoạch đào tạo được xây dựng hàng năm theo nhu cầu cụ thể.
- Đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả trong công tác đào tạo, bồi dưỡng.
- Khuyến khích tinh thần học tập nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công tác, nhiệm vụ.
- Đảm bảo thực hiện đúng các chế độ đào tạo theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của bệnh viện.

2. Chính sách lương thưởng, phúc lợi

- Công ty đã và đang tiếp tục cải thiện chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.
- Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những lao động có năng lực quản lý và trình độ chuyên môn cao, có nhiều ý tưởng trong nghiên cứu mang lại lợi ích cho Công ty.
- Ngoài chế độ tiền lương Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch, tạo cho người lao động yên tâm để gắn bó và làm việc hết mình cho doanh nghiệp.

7.4-PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Năm 2019, Công ty đã được các cơ quan báo chí như Báo Pháp luật Việt Nam, Báo Sống khỏe – Medplus đưa tin đăng bài

Nhân dịp Tết Trung Thu – Tết Thiếu Nhi, một dịp rất đặc biệt với các bạn nhỏ, ban lãnh đạo Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (Bác Trương Đồng Tâm – Phó giám đốc, Bác Trần Văn Hoà – Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Bác Vũ Đình Lục – Trưởng phòng Điều dưỡng) đã có những phần quà gửi gắm và những lời thăm hỏi động viên đến các bệnh nhân nhí đang điều trị tại Khoa Nhi của Bệnh viện.

Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên và Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên chung tay chống dịch, đẩy lùi Covid-19.

Hướng tới kỷ niệm ngày Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9, sáng 24/8, Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên kết hợp với Câu lạc bộ Thiện nguyện gắn kết yêu thương và Salon Tùng Hair tổ chức chương trình “Trao gửi yêu thương” tại điểm trường tiểu học trên địa bàn 3 xóm Thịnh Mỹ 1,2,3 – xã Tân Thịnh, huyện Định Hóa.



08

BÁO CÁO

TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

MUC LUC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 34

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/03/2012 với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 27.748.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3 ngày 19/12/2016 vốn điều lệ của Công ty được tăng lên là 415.000.000.000 đồng (tương ứng với 4.150.000 cổ phần), hiện nay Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần thứ 4 ngày 28/3/2017. Trong năm 2019, Công ty quản lý và khai thác khám chữa bệnh 02 Bệnh viện là: Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên, địa chỉ tại số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 134/BYT-GPHĐ ngày 27/01/2014); và Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên, địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 261/BYT-GPHĐ ngày 04/12/2019).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Hoàng Tuyên	Chủ tịch
- Ông Lê Xuân Tân	Thành viên
- Ông Lương Đình Hiền	Thành viên
- Ông Nguyễn Vũ Phương	Thành viên
- Ông Nguyễn Văn Thủy	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Xuân Tân	Tổng Giám đốc
- Ông Nông Minh Chức	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lương Đình Hiền	(i) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 18/02/2020)
- Ông Lý Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Thủy	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lê Xuân Thủy	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trương Đồng Tâm	Phó Tổng Giám đốc

(i): Theo Quyết định số 136/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng quản trị

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Hoàng Tuyên

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại: Số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên (thuộc Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên), địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 261/BYT-GPHĐ ngày 04/12/2019 và chính thức đi vào hoạt động ngày 13/12/2019.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước đã có Công văn số 6885/UBCK-GSĐC về việc Đăng ký hồ sơ công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

9. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


HOÀNG TUYỀN

Số: 50/2020/BCKT- PKF.NHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được lập ngày 29 tháng 5 năm 2020, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 34 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

Hoàng Văn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2917-2019-242-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 ngày 12 tháng 2019

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		340.934.711.955	203.004.561.672
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	966.319.232	997.220.195
Tiền	111		966.319.232	997.220.195
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		335.330.388.230	198.643.040.374
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	174.118.025	174.142.724
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	335.021.136.734	176.344.993.127
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	135.133.471	22.123.904.523
Hàng tồn kho	140	5.6	4.638.004.493	3.196.731.404
Hàng tồn kho	141		4.638.004.493	3.196.731.404
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	167.569.699
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	-	167.569.699
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		539.018.492.675	312.044.041.359
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.150.000.000	15.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	4.150.000.000	15.000.000.000
Tài sản cố định	220		415.555.378.486	65.052.561.894
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	401.731.966.743	59.811.103.561
- Nguyên giá	222		418.353.627.334	71.103.626.071
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16.621.660.591)	(11.292.522.510)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	13.823.411.743	5.241.458.333
- Nguyên giá	228		14.340.000.000	5.450.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(516.588.257)	(208.541.667)
Tài sản dở dang dài hạn	240		104.220.014.558	229.574.681.217
Chi phí XDCB dở dang	242	5.7	104.220.014.558	229.574.681.217
Tài sản dài hạn khác	260		15.093.099.631	2.416.798.248
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	15.093.099.631	2.416.798.248
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		879.953.204.630	515.048.603.031

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		351.420.168.224	75.347.439.862
Nợ ngắn hạn	310		98.412.770.594	49.257.978.986
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	20.741.882.325	9.719.671.231
Người mua trả tiền trước	312	5.15	6.702.406.201	5.035.484.514
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	4.349.216.905	4.549.352.963
Phải trả người lao động	314		4.465.885.774	1.664.841.202
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	46.787.026	3.800.196.603
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	62.106.592.363	24.488.432.473
Nợ dài hạn	330		253.007.397.630	26.089.460.876
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.13	2.380.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	250.627.397.630	26.089.460.876
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		528.533.036.406	439.701.163.169
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	528.533.036.406	439.701.163.169
Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	350.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.533.036.406	89.701.163.169
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24.701.163.169	8.309.552.601
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		88.831.873.237	81.391.610.568
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		879.953.204.630	515.048.603.031

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN THU THỦY

LÊ THỊ THÚY AN

HOÀNG TUYẾN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 02 – DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	275.448.933.320	269.650.034.832
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		275.448.933.320	269.650.034.832
Giá vốn hàng bán	11	6.2	167.022.154.356	176.662.486.606
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		108.426.778.964	92.987.548.226
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.740.652	3.258.811
Chi phí tài chính	22	6.4	8.392.045.670	3.860.566.959
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.392.045.670	3.860.566.959
Chi phí bán hàng	25	6.5	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.462.577.738	3.242.409.640
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		93.576.896.208	85.887.830.438
Thu nhập khác	31	6.6	13.600.000	-
Chi phí khác	32	6.7	240.754.346	8.800.000
Lợi nhuận khác	40		(227.154.346)	(8.800.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		93.349.741.862	85.879.030.438
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	4.517.868.625	4.487.419.870
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		88.831.873.237	81.391.610.568
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	2.141	2.325

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN THU THỦY

LÊ THỊ THÚY AN

HOÀNG TUYÊN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SX KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	93.349.741.862	85.879.030.438
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.637.184.671	3.464.726.777
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.740.652)	(3.258.811)
Chi phí lãi vay	06	8.392.045.670	3.860.566.959
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	107.374.231.551	93.201.065.363
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(136.687.347.856)	(21.686.726.788)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.441.273.089)	(1.166.361.475)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	46.547.311.098	(12.460.608.864)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(12.508.731.684)	9.346.607
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.392.045.670)	(3.860.566.959)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.987.419.870)	(62.834.002)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.095.275.520)	53.973.313.882
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(262.946.462.739)	(42.078.107.944)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.150.000.000)	(15.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	15.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.740.652	3.258.811
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(252.091.722.087)	(57.074.849.133)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	383.488.184.686	36.756.386.189
Tiền trả nợ gốc vay	34	(121.332.088.042)	(44.792.550.336)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	262.156.096.644	(8.036.164.147)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(30.900.963)	(11.137.699.398)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	997.220.195	12.134.919.593
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	966.319.232	997.220.195

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN THU THỦY

LÊ THỊ THÚY AN

HOÀNG TUYÊN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/03/2012 với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 27.748.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3 ngày 19/12/2016 vốn điều lệ của Công ty được tăng lên là 415.000.000.000 đồng (tương ứng với 4.150.000 cổ phần), hiện nay Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần thứ 4 ngày 28/3/2017. Trong năm 2019, Công ty quản lý và khai thác khám chữa bệnh 02 Bệnh viện là: Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên, địa chỉ tại số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 134/BYT-GPHĐ ngày 27/01/2014); và Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên, địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 261/BYT-GPHĐ ngày 04/12/2019).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: khám, chữa bệnh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại: số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đơn vị trực thuộc:

Công ty có 02 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là:

- Chi nhánh Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên có địa chỉ tại số nhà 328, đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 – 001
- Chi nhánh Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình có địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 – 002.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 532 người (tại ngày 31/12/2018 là 278 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng Quản trị Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Thuốc Nhập trước xuất trước
- Vật tư y tế Nhập trước xuất trước
- Hóa chất y tế Nhập trước xuất trước

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 06 - 48 năm
- Máy móc thiết bị: 06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 10 - 15 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 10 năm

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính: 08 – 20 năm

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, dụng cụ y tế, vật tư y tế,... Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.9. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ

trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.11. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.12. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định, và các chi phí tài chính khác phát sinh trong năm tài chính.

4.13. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Dịch vụ y tế do Công ty cung cấp không chịu thuế giá trị gia tăng. Các hoạt động khác ngoài dịch vụ y tế chịu thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập từ dịch vụ khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (địa chỉ, số 328 Lương Ngọc Quyển, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên) được hưởng ưu đãi với mức thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Các khoản thu nhập ngoài hoạt động khám, chữa bệnh áp dụng mức thuế suất là 20%. Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 thu nhập từ hoạt động khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đang được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ dịch vụ khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình (địa chỉ, xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) được hưởng ưu đãi với mức thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Các khoản thu nhập ngoài hoạt động khám, chữa bệnh áp dụng mức thuế suất là 20%. Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019, thu nhập từ hoạt động khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên đang được miễn thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành: Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập, chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.14. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.15. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	171.675.988	324.307.154
Tiền gửi ngân hàng (ii)	794.643.244	672.913.041
Cộng	966.319.232	997.220.195
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2019 bao gồm:		
	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		171.675.988
Cộng		171.675.988
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2019 bao gồm:		
	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		794.643.244
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên		45.684.755
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thái Nguyên		30.077.396
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thái Nguyên		42.353.960
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thái Nguyên		34.059.643
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên		622.185.888
Các ngân hàng khác		20.281.602
Ngoại tệ		-
Cộng		794.643.244

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Ngắn hạn	174.118.025	174.142.724
Bệnh viện trường đại học Y Khoa	-	72.870.000
Tổng Công Ty Bảo Việt Nhân Thọ	68.473.000	-
Ngân hàng thương mại Cổ phần Tiên Phong	25.600.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	80.045.025	101.272.724
b) Dài hạn	-	-
Cộng	174.118.025	174.142.724

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	335.021.136.734	-	176.344.993.127	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển ATC Việt Nam	209.499.618.051	-	167.388.119.000	-
Công ty Cổ phần Thăng Long HDI	3.697.563.614	-	2.628.090.627	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Thái	-	-	1.125.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại - Kỹ thuật Vimetech	-	-	3.208.500.000	-
Công ty TNHH Xuân Thủy	109.019.957.569	-	-	-
Các khách hàng khác	12.803.997.500	-	1.995.283.500	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	335.021.136.734	-	176.344.993.127	-

Trả trước cho người bán là các bên liên quan:

Tên Công ty	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Công ty Cổ phần Thăng Long HDI	3.697.563.614	2.628.090.627
Công ty TNHH Xuân Thủy	109.019.957.569	-
Cộng	112.717.521.183	2.628.090.627

5.4 Phải thu khác

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	135.133.471	-	22.123.904.523	-
Tạm ứng	1.500.000	-	22.000.000.000	-
Phải thu khác	133.633.471	-	123.904.523	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	135.133.471	-	22.123.904.523	-

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	-	-	-	-
b) Dài hạn	4.150.000.000	-	15.000.000.000	-
Bà Ngô Thị Ánh	-	-	6.000.000.000	-
Ông Nguyễn Tuấn Thuận	-	-	9.000.000.000	-
(i) Bà Phạm Thị Hiền	450.000.000	-	-	-
(ii) Ông Vũ Văn Đại	3.700.000.000	-	-	-
Cộng	4.150.000.000	-	15.000.000.000	-
(i) Bệnh viện cho bà Phạm Thị Hiền vay 450.000.000 đồng theo Hợp đồng đầu tư số 680/2019/HĐKT-BVQTTN ngày 31/12/2019. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích cho vay để thực hiện hoàn thiện các nội dung đầu tư nhà ăn tại Bệnh viện Yên Bình. Lãi suất cho vay là 10%/năm, tính từ khi nhà ăn được bàn giao và đi vào hoạt động.				
(ii) Bệnh viện cho ông Vũ Văn Đại vay 3.700.000.000 đồng theo Hợp đồng đầu tư số 673/2019/HĐKT-BVQTTN ngày 31/12/2019. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích cho vay để thực hiện hoàn thiện các nội dung đầu tư nhà ăn tại Bệnh viện Yên Bình. Lãi suất cho vay là 10%/năm, tính từ khi nhà ăn được bàn giao và đi vào hoạt động.				

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thuốc, vật tư y tế, hóa chất y tế	4.638.004.493	-	3.196.731.404	-
Cộng	4.638.004.493	-	3.196.731.404	-

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Mua sắm:	-	-
Xây dựng cơ bản:	104.220.014.558	229.574.681.217
Dự án đầu tư, xây dựng bệnh viện Đa khoa Yên Bình	-	185.902.292.217
Dự án đầu tư, xây dựng bệnh viện Quốc tế giai đoạn 2 (*)	104.220.014.558	43.672.389.000
Cộng	104.220.014.558	229.574.681.217

(*) Dự án xây dựng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn 2, tại phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh theo Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 27/7/2019 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 – DN

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, trang thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị văn phòng (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2019	32.766.519.016	37.080.392.455	1.190.000.000	66.714.600	71.103.626.071
- Mua trong năm	13.291.723.020	71.601.082.500	7.536.706.684	-	92.429.512.204
- Đầu tư XDCB hoàn thành	254.820.489.059	-	-	-	254.820.489.059
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	300.878.731.095	108.681.474.955	8.726.706.684	66.714.600	418.353.627.334
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2019	3.485.241.559	7.278.376.864	499.861.112	29.042.975	11.292.522.510
- Khấu hao trong năm	1.210.746.247	3.788.923.853	322.796.521	6.671.460	5.329.138.081
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	4.695.987.806	11.067.300.717	822.657.633	35.714.435	16.621.660.591
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2019	29.281.277.457	29.802.015.591	690.138.888	37.671.625	59.811.103.561
Tại ngày 31/12/2019	296.182.743.289	97.614.174.238	7.904.049.051	31.000.165	401.731.966.743

Nguyên giá tài sản thế chấp các khoản vay:

GTCL tài sản thế chấp các khoản vay:

392.474.985.445
379.369.484.952

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	TSCĐVH khác (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2019	-	5.450.000.000	-	5.450.000.000
- Mua trong năm	-	8.890.000.000	-	8.890.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2019	-	14.340.000.000	-	14.340.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2019	-	208.541.667	-	208.541.667
- Khấu hao trong năm	-	308.046.590	-	308.046.590
Số dư tại ngày 31/12/2019	-	516.588.257	-	516.588.257
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2019	-	5.241.458.333	-	5.241.458.333
Tại ngày 31/12/2019	-	13.823.411.743	-	13.823.411.743

5.10 Chi phí trả trước

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Ngắn hạn	-	167.569.699
Công cụ, dụng cụ	-	167.569.699
b) Dài hạn	15.093.099.631	2.416.798.248
Công cụ, dụng cụ	14.917.623.168	2.416.798.248
Chi phí bảo hiểm	175.476.463	-
Cộng	15.093.099.631	2.584.367.947

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyền, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 – DN

5.11 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2019			31/12/2019	
	Giá trị	Khả năng trả nợ		Tăng trong năm	Giảm trong năm
	(VND)	(VND)		(VND)	(VND)
					Giá trị
					Khả năng trả nợ
a) Gốc vay ngắn hạn	10.100.432.473	10.100.432.473	91.085.168.282	71.136.088.042	30.049.512.713
(i) Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn – CN Thái Nguyên	9.999.544.856	9.999.544.856	37.010.145.167	26.952.868.433	20.056.821.590
(ii) Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - CN Thái Nguyên	100.887.617	100.887.617	1.597.998.109	1.600.734.782	98.150.944
(iii) Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	-	19.777.025.006	9.882.484.827	9.894.540.179
Vay cá nhân	-	-	32.700.000.000	32.700.000.000	-
b) Gốc vay dài hạn	40.477.460.876	40.477.460.876	292.403.016.404	50.196.000.000	282.684.477.280
(iv) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	-	-	113.523.080.740	-	113.523.080.740
(v) Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	-	-	30.879.935.664	2.808.000.000	28.071.935.664
(vi) Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên	40.477.460.876	40.477.460.876	18.000.000.000	47.388.000.000	11.089.460.876
(vii) Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	-	130.000.000.000	-	130.000.000.000
Cộng	50.577.893.349	50.577.893.349	383.488.184.686	121.332.088.042	312.733.989.993

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyền, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09 – DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.11 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

c) Phân loại vay dài hạn đến hạn trả

	01/01/2019			31/12/2019	
	Giá trị	Khả năng trả nợ		Giá trị	Khả năng trả nợ
	(VND)	(VND)		(VND)	(VND)
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên	14.388.000.000	14.388.000.000		10.813.460.876	10.813.460.876
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	-	-		5.616.000.000	5.616.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	-	-		15.627.618.774	15.627.618.774
Cộng	14.388.000.000	14.388.000.000		32.057.079.650	32.057.079.650
d) Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính	24.488.432.473	24.488.432.473		62.106.592.363	62.106.592.363
d1 Vay ngắn hạn (d1 = a+c)	26.089.460.876	26.089.460.876		250.627.397.630	250.627.397.630
d2 Vay dài hạn (d2 = b-c)	50.577.893.349	50.577.893.349		312.733.989.993	312.733.989.993
Cộng					

Giao dịch vay với các bên liên quan:

	01/01/2019	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	31/12/2019
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
Ông Hoàng Tuyên	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
Ông Đào Mạnh Duy	-	13.000.000.000	13.000.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Thủy	-	700.000.000	700.000.000	-
Ông Lương Đình Hiền	-	18.000.000.000	18.000.000.000	-
Cộng	-	32.700.000.000	32.700.000.000	-

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 – DN

5.11 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

- (i) Hợp đồng tín dụng số 8500LAV/201800992 ngày 15/10/2018 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng 10.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ khám chữa bệnh. Thời hạn hiệu lực mức cấp tín dụng là 12 tháng, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 4 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ.
- (ii) Hợp đồng cấp tín dụng số 9378/18MB/HĐTD ngày 26/12/2018 tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM - CN Thái Nguyên. Hạn mức thấu chi thanh toán là 415.000.000 VND. Mục đích sử dụng: Bổ đắp vốn lưu động thiếu hụt tạm thời để thanh toán tiền điện, bên được cấp tín dụng chỉ được sử dụng hạn mức thấu chi thanh toán tiền điện cho mục đích thanh toán các hóa đơn tiền điện phát sinh trong kỳ kinh doanh, phục vụ việc sản xuất kinh doanh. Thời hạn của hạn mức thấu chi thanh toán tiền điện là 12 tháng. Lãi suất trong hạn là 10%/năm, nếu có sự điều chỉnh lãi suất, Ngân hàng sẽ thông báo trước thời điểm áp dụng mức lãi suất điều chỉnh như trên.
- (iii) Vay ngắn hạn theo hợp đồng hạn mức số: VN 1190000655 ngày 20/3/2019 với Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng 10.000.000.000 VND. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 20/3/2019 đến ngày 20/3/2020. Lãi suất cho vay: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 03 tháng cộng 4,7% một năm.
- (iv) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/5745705/HĐTD ngày 26/8/2019. Hạn mức vay: 200.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay: Đầu tư xây dựng Bệnh viện quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II. Thời hạn vay: 96 tháng. Lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu tiên là 8,2%/năm, 12 tháng tiếp theo là: 8,3%/năm; lãi suất vay thời gian còn lại được thả nổi theo công thức quy định trong hợp đồng vay. Tài sản bảo đảm: Toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và các tài sản khác của Công ty phục vụ vận hành dự án.
- (v) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng cho vay số: 5956.19.093.1699479.TD ngày 5/3/2019. Hạn mức 35.000.000.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động khám chữa bệnh của Bệnh viện quốc tế Thái Nguyên. Thời hạn vay tối đa 72 tháng. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản bảo đảm được quy định tại Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số: 6113.19.093.1699479.BĐ.
- (vi) Hợp đồng cấp tín dụng số 8500-LAV-201300658 ngày 06/11/2013: Hạn mức tín dụng 20.000.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng mua máy móc thiết bị. Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 06/11/2020. Lãi suất thả nổi, xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại Agribank Thái Nguyên cộng bố tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm biên độ 5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 – DN

5.11 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng cấp tín dụng số 8500-LAV-201400342 ngày 23/06/2014. Hạn mức tín dụng 27.000.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán các chi phí mua máy móc thiết bị y tế, xây dựng lắp đặt các công trình. Hạn trả nợ cuối cùng vào 09/11/2020. Lãi suất thả nổi, xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại Agribank Thái Nguyên cộng bố tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm biên độ 4,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp. Các giấy nhận nợ theo hợp đồng tín dụng số 8500-LAV-201300688 ngày 19/11/2013 được chuyển sang theo đối tại hợp đồng này.
- Hợp đồng cấp tín dụng số 8500-LAV-201700745 ngày 14/08/2017. Hạn mức tín dụng 700.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư mua Hệ thống máy siêu âm 4 chiều. Thời hạn cho vay: 60 tháng. Lãi suất thả nổi, xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại Agribank Thái Nguyên cộng bố tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm biên độ 3,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp.
- (vii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng số: VN119000653 ngày 20/3/2019. Hạn mức cho vay 130.000.000.000 VND. Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định Dự án Bệnh viện Đa khoa Yên Bình – Thái Nguyên. Kỳ hạn vay: 72 tháng. Lãi suất vay: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng (+) 3,5% một năm. Biện pháp bảo đảm:
 - Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai trên Thửa đất số 563 tại Xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ 026290 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp.
 - Máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của Bên vay/ bên thứ ba nhằm mục đích triển khai và vận hành dự án.
 - Máy móc, thiết bị, tài sản đã hình thành thuộc quyền sở hữu của Bên vay/ bên thứ ba nhằm mục đích triển khai và vận hành dự án.
 - Các Quyền tài sản phát sinh từ Dự án nhằm mục đích triển khai, thực hiện và vận hành Dự án.
 - Các tài sản khác được hình thành từ vốn vay của Bên Cho vay, bao gồm các tài sản, quyền tài sản đã, đang và sẽ hình thành từ vốn vay của Bên Cho vay; các tài sản, quyền tài sản thay thế, bổ sung, luân chuyển, hình thành từ tài sản hình thành từ vốn vay và nguồn thu hình thành từ phương án vay.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	20.741.882.325	20.741.882.325	9.719.671.231	9.719.671.231
Công ty Cổ phần Dược Phẩm và Thiết bị y tế Á Châu	681.239.443	681.239.443	1.230.139.978	1.230.139.978
Công ty TNHH Minh Lô	-	-	5.270.000.000	5.270.000.000
Công ty TNHH Công nghệ điện tử - phần mềm và viễn thông LIFETEK	5.250.000.000	5.250.000.000	-	-
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XD Sông Đà Việt Đức	2.437.286.462	2.437.286.462	-	-
Hộ kinh doanh TBYT Việt Hà - Phan Thị Chung	3.150.000.000	3.150.000.000	-	-
Các khách hàng khác	9.223.356.420	9.223.356.420	3.219.531.253	3.219.531.253
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	20.741.882.325	20.741.882.325	9.719.671.231	9.719.671.231

5.13 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	2.380.000.000	-
Cho thuê mặt bằng	2.380.000.000	-
Cộng	2.380.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN
Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 – DN

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019 (VND)
a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	4.571.184	249.418.186	10.070.377	243.918.993
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.483.636.730	4.517.868.625	4.987.419.870	4.014.085.485
Thuế thu nhập cá nhân	61.145.049	229.714.421	199.647.043	91.212.427
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	32.839.400	32.839.400	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	4.549.352.963	5.033.840.632	5.233.976.690	4.349.216.905
b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Cộng	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế (kể từ khi đi vào hoạt động đến thời điểm kết thúc năm tài chính 2019 này, Công ty chưa được Cơ quan thuế thực hiện quyết toán thuế). Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	6.702.406.201	6.702.406.201	5.035.484.514	5.035.484.514
Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên	6.699.244.508	6.699.244.508	5.004.706.698	5.004.706.698
Khách hàng khác	3.161.693	3.161.693	30.777.816	30.777.816
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.702.406.201	6.702.406.201	5.035.484.514	5.035.484.514

5.16 Phải trả khác

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Ngắn hạn	46.787.026	3.800.196.603
Phải trả UBND tỉnh Bắc Kạn	-	3.774.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	46.787.026	26.196.603
b) Dài hạn	-	-
Cộng	46.787.026	3.800.196.603

5.17 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	LNST chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2018	350.000.000.000	8.309.552.601	358.309.552.601
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	81.391.610.568	81.391.610.568
Số dư tại ngày 01/01/2019	350.000.000.000	89.701.163.169	439.701.163.169
Tăng vốn trong năm nay (*)	65.000.000.000	-	65.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	88.831.873.237	88.831.873.237
Phân phối lợi nhuận (*)	-	(65.000.000.000)	(65.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2019	415.000.000.000	113.533.036.406	528.533.036.406

(*): Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ-TNH ngày 22/03/2019.

Chi tiết số dư vốn góp của các cổ đông

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Ông Hoàng Tuyên	79.725.800.000	133.000.000.000
Ông Lương Đình Hiền	-	52.500.000.000
Ông Nguyễn Vũ Phương	-	70.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Thủy	23.464.000.000	35.000.000.000
Ông Lê Xuân Tân	15.882.000.000	17.500.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	8.300.000.000	7.000.000.000
Ông Hoàng Thao	23.567.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Đôn	16.473.000.000	-
Ông Vũ Văn Thành	22.992.440.000	-
Ông Đào Duy Mạnh	18.925.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Hiệp	18.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu	37.460.000.000	35.000.000.000
Các Cổ đông khác	150.210.760.000	-
Cộng	415.000.000.000	350.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng CP đăng ký phát hành	41.500.000	35.000.000
Số lượng CP đã bán ra công chúng	41.500.000	35.000.000
Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	35.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.500.000	35.000.000
Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	35.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Doanh thu cung cấp dịch vụ	275.448.933.320	269.650.034.832
Cộng	275.448.933.320	269.650.034.832

6.2 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	167.022.154.356	176.662.486.606
Cộng	167.022.154.356	176.662.486.606

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lãi tiền gửi	4.740.652	3.258.811
Cộng	4.740.652	3.258.811

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lãi tiền vay	8.392.045.670	3.860.566.959
Cộng	8.392.045.670	3.860.566.959

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	6.462.577.738	3.242.409.640
Chi phí nhân viên	4.461.263.005	2.740.762.755
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
Thuế phí và lệ phí	4.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	962.773.704	178.949.308
Chi phí khác bằng tiền	1.034.541.029	319.697.577
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	-	-
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	6.462.577.738	3.242.409.640

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	13.600.000	-
Cộng	13.600.000	-

6.7 Chi phí khác

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Các khoản nộp phạt	240.754.346	8.800.000
Cộng	240.754.346	8.800.000

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	93.349.741.862	85.879.030.438
Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm	248.531.836	3.869.366.959
- Chi phí không được trừ	248.531.836	3.869.366.959
- Các khoản khác	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	93.598.273.698	89.748.397.397
Thu nhập miễn thuế	3.240.901.198	-
Thu nhập tính thuế	90.357.372.500	89.748.397.397
Chi phí thuế TNDN hiện hành (sau khi đã giảm 50%)	4.517.868.625	4.487.419.870
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.517.868.625	4.487.419.870

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
a) Chi phí sản xuất, KD theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.199.286.525	18.494.930.141
Chi phí nhân công	33.561.282.311	22.116.153.534
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.637.184.671	3.464.726.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.069.788.827	132.010.959.134
Chi phí khác bằng tiền	3.017.189.760	3.818.126.660
b) Các khoản ghi giảm chi phí	-	-
Cộng	173.484.732.094	179.904.896.246

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 – DN

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	88.831.873.237	81.391.610.568
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	88.831.873.237	81.391.610.568
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	41.500.000	35.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.141	2.325

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ là dịch vụ khám, chữa bệnh, do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra tại tỉnh Thái Nguyên nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

7.2 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và HĐQT	1.513.684.358	785.818.982
Cộng	1.513.684.358	785.818.982

Giao dịch mua phát sinh năm 2019:

	Mối quan hệ	Số tiền (VND)
Mua của Công ty CP Thăng Long HDI	Cùng thành viên lãnh đạo	957.597.214
Chi tiết: Mua vật tư, hóa chất, công cụ y tế		957.597.214
Mua của Công ty TNHH Xuân Thủy	Cùng thành viên lãnh đạo	291.306.235.850
Chi tiết: Thi công xây lắp công trình Bệnh viện Đa khoa Yên Bình		291.306.235.850
Cộng		292.263.833.064

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 – DN

7.3 Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên (thuộc Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên), địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 261/BYT-GPHĐ ngày 04/12/2019 và chính thức đi vào hoạt động ngày 13/12/2019.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước đã có Công văn số 6885/UBCK-GSĐC về việc Đăng ký hồ sơ công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.

7.4 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 5 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT

Thủy

Thủy An



NGUYỄN THU THỦY

LÊ THỊ THÚY AN

HOÀNG TUYẾN